

HOÀNG ĐÔN HÒA

HOẠT NHÃN TỐT YẾU

PHƯƠNG THUỐC KINH NGHIỆM
VÀ PHÉP DƯỠNG SINH .

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

HOÀNG ĐÓN HÒA

HOẠT NHÂN TOÁT YẾU

PHƯƠNG THUỐC KINH NGHIỆM VÀ PHÉP
DUỡng SINH

Viện Nghiên cứu Đông y biên dịch, chú thích, phụ lục

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC
HÀ NỘI - 1980

LỜI NÓI ĐẦU

Theo chủ trương của Viện nghiên cứu Đông y, quyển *HOẠT NHÂN TOÁT YẾU* của Lương Dược Hậu Hoàng Đôn Hòa, được biên dịch và xuất bản để phục vụ việc nghiên cứu và thừa kế y dược học cổ truyền của dân tộc.

Trước tiên, chúng tôi giới thiệu Thân thế và sự nghiệp y học của Hoàng Đôn Hòa, tiếp sau phiên dịch toàn văn quyển *Hoạt nhân toát yếu*.

I - NỘI DUNG

Phần I — Các môn thuốc chữa bệnh gồm :

Nội khoa	103	phương
Ngoại khoa (bệnh ngoài da)	21	—
Thương khoa	6	—
Phụ khoa	11	—
Nhi khoa	5	—
Thú y	55	—

cộng 201 phương.

Phần II — Tính mệnh khuê chi tăng bổ chỉ dẫn phương pháp dưỡng sinh, gồm :

- . Phép thở khí công,
- . Thuyết thanh tâm tiết dục,
- . Phương pháp đạo dẫn vận động.

II - ĐẶC ĐIỂM

Qua việc nghiên cứu chúng tôi thấy tác phẩm này có mấy đặc điểm sau đây :

a) Việc dùng thuốc Nam

Những phương thuốc kinh nghiệm trong *Hoạt nhi* đã bổ sung công dụng cho dược học dân tộc về thuốc phát hiện ở nước ta, đơn cử :

- Bồ cu rờ chữa bại liệt nửa người
- Cỏ rãng cưa chữa bị thương ứ máu
- Huyết giác trị chân gối sưng đau
- Gối hạc chữa đẽ rời tê thũng.
- Ba gác chữa trâu bò trúng phong chân chụm
- Dầu sơn giải trúng tên thuốc độc khôn nguy
- Xích hoa xà chữa phong thấp đau tê
- Cốt khí tím trị thú vật bị dịch
- Cây Thiên tuế xúc cam răng thối loét
- Củ chửi chửi xát lở ngứa hắc lào.
- Lá xương sông chữa khỏi họng đau
- Cây vàng lờ uống dứt kinh giãn
- Lá cối xay (Manh ma) chữa bụng trường hoàng dẫn
- Lá Dương núi (Sơn dương) trị tâm vị bụng đau
- Cỏ chi thiên, nõ đũa chuột giải bí trường phòng lao
- Lá Huyết dụ, dây Đau xương trị bạch đới đại đát
- Bản trắng, Bản đỏ chữa đẽ rời tê liệt
- Hoàng nàn, Hoàng lực ngừng sốt rét, tháo nòn... v.v.

Một số phương pháp bào chế được thể hiện qua các phương thuốc, như :

- U Ba đậu vào giữa quả chanh 3 ngày để giảm độc, ngoc cách ép kiệt hết dầu ; ngâm Hoàng nàn (đã cạo vỏ) vào nước vo gạo 14 ngày để giảm độc ; chế phèn đen bằng cách đốt hòa với muối cho đến khi phèn biến màu vàng, để khỏi phản ứng
- Dùng Vây điệp bao ngoài làm áo viên thuốc trong có *Điện tiêu* để khi uống khỏi bị khê cổ, vừa để chống mốc...

Nhiều dạng thuốc đã được sử dụng : thang, hoàn, tán, cao, đan, với cách uống trong, xoa, rịt, chườm, bôi, dán ở ngoài. Có khi tác giả dùng phép chữa gián tiếp, đắp rịt thuốc để trị bệnh ở nội tạng, hay chữa bệnh ở một bộ vị khác của cơ thể, ngoài việc điều trị cục bộ hay trực tiếp, như :

Chế *Quan âm cứu khổ đàn lam* mỗi cứu đề chữa phong thấp đau nhức..

Hoàng Đôn Hòa đã trọng dụng dạng thuốc cao đơn hoàn tán chế sẵn đề đáp ứng kịp thời yêu cầu trị bệnh hàng loạt cho nhiều người trong một lúc, như khi chống dịch bệnh nhân gần như tập trung, hay khi hành quân với hoàn cảnh lưu động thiếu điều kiện và phương tiện sắc thuốc. Việc sử dụng thuốc hoàn tán tiện lợi đã giúp cho nhà Lương y được phát huy tài năng để làm tròn nghĩa vụ của mình, và mở rộng phạm vi phục vụ của nền y dược học dân tộc.

b) Phương thuốc kinh nghiệm

Sau đây, chúng tôi xin nêu lên mấy phương thuốc hiệu nghiệm để lưu ý việc nghiên cứu ứng dụng đồng thời để tìm hiểu đường hướng y học của tác giả.

1) Trị bệnh ác tính cấp diễn :

- **Tam hoàng hoàn** chữa sốt rét lam chướng, đau bụng thổ tả, gồm *Hùng hoàng* sát trùng tiêu đờm, trừ tà giải độc, *Hoàng nàn* (vỏ đỗ) sát trùng khu phong trừ thấp, *Hoàng lục* (rễ sung) trị thấp nhiệt tiêu tích trệ. Những vị thuốc này có hoạt lực mạnh đối với tà độc gây bệnh.

Phương thuốc *Tam hoàng hoàn* đã được Lân Ông (danh y Việt Nam ở thế kỷ 18) chép lại trong sách *Bách gia truyền tàng* lưu truyền trong nhân dân. Hiện nay, riêng vị *Hoàng nàn* còn được dùng trong một số phương thuốc gia truyền chữa đau bụng, tê thấp cơ quắp.

- **Thần ứng hoàn** trị các loại trùng phong, gồm : *Xương bồ*, *Bồ kết* khai khiếu tiêu đờm, *Chu sa* (HgS) an thần, *Xuyên khung*, *Bạch chỉ*, *Khương hoạt*, *Thương truật*, *Tế tân* hành huyết khu phong trừ thấp.

Phương thuốc này được thông dụng trong nhân dân, trước đây nó được chế thành thuốc viên bán ở các chợ, gọi là « *thuốc gió* » vừa chữa chứng trùng phong ngã ngất, hôn mê cắn khâu, méo mồm lệch mắt, vừa làm thuốc *phát tán* cho ra mồ hôi, giải cảm mưa gió, nóng rét đau nhức thân mình, hay cảm cúm nhức đầu sổ mũi.

Nó cũng được cải tiến làm thuốc thang (bỏ *Bồ kết*, *Chu sa*, *Tế tân*, thêm *Hương phụ*, *Trần bì*, *Cam thảo*) chữa ngoại cảm hàn thấp đau nhức ho đờm, và bệnh phong thấp tê thấp mạn tính.

2) Trị bệnh nặng mạn tính :

— **Thất thanh hoàn** chữa bệnh phù thũng, gồm *Diêm tiêu*, *vỏ Cây dương*, *vỏ Phục linh* là những vị lợi tiểu tiện mạnh; *Bồ hóng* tán ú giải độc sát trùng; *Đinh hương*, *Hồi hương* ôn trung hành khí tiêu thủy; *Vân mẫu* (vẩy điệp) bồ thận ích tinh, trị lao tổn cơ nhục hoại tử. Lại thêm vị *Tô mộc* (gỗ vang) tán ú hoạt huyết và *Lá Đa* lợi tiểu, làm thang, đối với các trường hợp thũng trướng sau khi đẻ.

Phương này đã được cải tiến và ghi lại trong sách *Bách gia trân tàng* nói trên. Nó có tác dụng tốt đối với thể bệnh phù trướng nặng theo kinh nghiệm của một số lương y gia truyền, vậy nên được lưu ý nghiên cứu áp dụng.

— **Lập thân hoàn** thông trị các chứng đau bụng, đau tâm vị và 7 chứng cam của trẻ em, gồm *Nghệ đen* tiêu tích tán ú, *củ gấu* hành khí khai uất, *Nam mộc hương* (vỏ dọt) hạ khí tiêu tích, *Phèn chua* tiêu đờm tích sát trùng, *Phèn đen* tiêu tích băng, sát trùng, lợi đờm hòa huyết.

Các chứng đau ở trong bụng thường do tích trệ, nên phương thuốc này có tác dụng giải quyết các nhân tố bệnh lý đờm, uất, tích, ú, gây trở trệ cho cơ năng vận hóa của tạng phủ khí huyết. Các chứng cam của trẻ em cũng vì tích trệ gây nên, do đó phương thuốc được thông dụng trong nhân dân gọi là « *thuốc tiêu* » dùng chữa cả bệnh cam trẻ em, bệnh đau bụng máu của phụ nữ, cùng các chứng đau bụng khác.

3) Trị bệnh ngoại thương :

Điều trị vết thương, Hoàng Đôn Hòa sáng chế một số phương đơn giản và tiện dụng, như :

— **Trương quan đơn**, với một vị *Đại hoàng* tán bột, tác giả vừa dùng uống trong chữa bị thương ú máu, và bị bỏng hỏa uất nhiễm độc, đại tiểu tiện không thông, đờ hoạt huyết tả hỏa giải độc; vừa dùng bôi ngoài vết thương cho bớt sưng đỏ đau, hoặc hòa với nước *vôi* trong giội vết bỏng để sát trùng mát da thịt cho khỏi nóng rát và chóng lành.

— **Hắc bạch đinh** gồm *Vôi* và *Bồ hóng* có tác dụng sát trùng và cầm máu, dùng bôi ngoài, đắp vết thương chảy máu, là một phương thuốc dân gian lâu đời. Tác giả tùy theo hoàn cảnh, già *vôi* cũ với *lá Trầu không*, *lá Thanh tá* hay *Cỏ răng cua* đắp vết thương dứt chém, *vôi* tác dụng cầm máu, sát trùng và hoạt huyết tiêu viêm.

III – VIỆC BIÊN DỊCH VÀ SỬ DỤNG

Quyền *Hoạt nhân toái yếu* không còn nguyên bản và không có tựa của tác giả. Đây chúng tôi dịch theo bản của cụ Ngô Quý Tiếp chép lại năm 1963 theo các bản sao trước của cụ Nghiêm Tu Đồ và cụ Trịnh Văn Liễu ở thôn Đa Sĩ, xã Kiến Hưng, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Sơn Bình, sau khi đã đối chiếu hai bản với nhau và bổ sung những chỗ rách nát.

Chúng tôi đã biên dịch toàn văn nội dung của tập sách, có bổ sung những chỗ thiếu sót (để trong ngoặc vuông) và chú thích thêm những điểm cần lưu ý bạn đọc. Ngoài ra, các phương thuốc có được đánh số để dễ tìm.

Về việc sử dụng tập sách, tuy có những phương thuốc được giới thiệu một cách khẳng định về kết quả theo kinh nghiệm của tác giả, nhưng chúng ta cũng cần nghiên cứu thêm về cách bào chế, liều dùng cho thích hợp và thông qua thực tiễn trị bệnh, để phát huy tác dụng và phổ cập rộng rãi.

Chúng tôi rất mong các bạn góp thêm ý kiến bổ sung về những thiếu sót tồn tại, để giúp chúng tôi sửa chữa khi in lại. Chúng tôi xin cảm ơn các bạn.

Người biên dịch

Lê Trần Đức

THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP Y HỌC CỦA HOÀNG ĐÔN HÒA

Theo thần tích đền làng Đa Sĩ (thuộc xã Kiến Hưng, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Sơn Bình ngày nay), tiểu sử của Hoàng Đôn Hòa như sau :

« Hoàng Đôn Hòa ở thôn Huyền Khê, xã Thanh Oai Trung, tổng Thanh Oai Thượng, huyện Thanh Oai, phủ Ứng Thiên. thi đậu- giám sinh, ẩn cư dạy học, rất tinh thông nghề y.

« Dưới đời vua Lê Trang tông, Dụ hoàng đế, năm Nguyên Hòa thứ nhất (1533), bệnh dịch lan rộng, ông đã phát thuốc và chu cấp tiền gạo cho nhân dân, cứu sống được rất nhiều người, nên ở địa phương ai cũng coi ông là vị phúc tinh. Do đó, thanh danh của ông ngày càng vang lừng khắp nước.

« Đến đời vua Lê Thế tông, Nghị hoàng đế, năm Gia Thái thứ 2 (1574), quân nhà Mạc chiếm đóng Thái Nguyên, triều đình cất quân đi đánh (1) Hoàng Đôn Hòa được cử làm điều hộ lục quân. Sau khi thành công về, ông được thăng chức Thị nội Thái y viện thủ phiên (đứng đầu coi việc chữa bệnh trong cung của Thái y viện) và được phong tước Lương Dục Hậu (2), nhưng ông xin về nghỉ.

« Sau khi mất, nhân dân lập đền thờ ông. Ông được các triều đại truy phong là phúc thần «Lương dục đại vương» và phu nhân.

(1) Từ năm 1527 Mạc Đăng Dung cướp quyền vua Lê, lập triều nhà Mạc. Nhà Lê xiêu bạt vào Thanh Hóa rồi đánh ra Bắc lấy lại đất đai dần dần và khôi phục chính quyền cả nước năm 1592. Thời này gọi là Nam — Bắc triều.

(2) Hậu là tước thứ 2 của triều đình phong kiến : Công, Hầu, Bá, Tử, Nam.



Đền thờ HOÀNG ĐÓN HÒA

« Trước kia, hàng năm cứ ngày 12 tháng giêng (âm lịch) (1), có đại diện chính quyền đến tế lễ trong thềm để hậu báo công ơn của ông ».

Theo *Nam Việt thần kỳ hội lục*, thì xã Đa Sĩ có đền thờ « Lương y linh thông đại vương và Phương Dung Từ-Thục phu nhân ».

Theo truyền thuyết ở địa phương (2) nhất là dựa vào các thần tích ngọc phả, thì Hoàng Đôn Hòa đã có những công trạng như sau :

Trong sinh thời, Hoàng Đôn Hòa được phong tước « Lương dược hầu » và sau khi mất được phong sắc « Lương dược linh thông cư sĩ ». Ông là một si phu đi ở ẩn, chuyên nghiên cứu các vị thuốc để chữa bệnh giúp dân. Ông sớm nổi tiếng là thầy thuốc giỏi. Có trường hợp bệnh của một công nương tồn thất rất nặng, nhiều người chữa không khỏi, đã được Hoàng Đôn Hòa cứu lành mau chóng. Vua (3) mến tài của ông gả con gái Phương Anh cho ông. Phương Anh (đôi tên là Phương Dung) phục tài năng chữa bệnh và mến đạo đức giúp dân của chồng. nên rất đồng tình phát huy sự nghiệp phục vụ nhân dân ở nơi thôn dã. Hoàng Đôn Hòa và phu nhân đã trồng kiếm thuốc để chữa bệnh giúp dân rộng rãi. Bà lại quyên góp tiền gạo phát chẩn cho dân khi đói kém. Trong những năm dịch lệ, nhân dân đã được cứu chữa tận tình và chu cấp cả thuốc men tiền gạo. Khi Hoàng Đôn Hòa bị trưng tập đi phục vụ quân si, ông đã dùng thuốc hoàn tán chế sẵn mang theo và kiếm thêm thuốc tươi tại chỗ, cứu chữa cho quân đội và nhân dân địa phương được

(1) Theo truyền thuyết ngày 12 tháng giêng âm lịch là ngày mất của Hoàng Đôn Hòa, nhưng không rõ năm nào.

(2) Trong cuộc họp ngày 8-2-63 tại đền Đa Sĩ giữa các cụ phụ lão và cán bộ Ty Văn Hóa Hà Đông cùng cán bộ của Viện Đông y, để xây dựng tiểu sử của Hoàng Đôn Hòa, mọi người đều nói ông không có dòng dõi ở địa phương và không ai rõ ngày sinh của ông.

(3) Trong ngọc phả chép là Thế tông, nhưng xét theo sử thì Lê Thế Tông thọ 33 tuổi, không thể có con gái lớn để gả cho Hoàng Đôn Hòa. Và lại khi Thế tông lên ngôi thì Hoàng Đôn Hòa đã ngoài 60 tuổi. Vậy Phương Anh có thể là con một vua trước, mà ngọc phả đã chép nhầm.

qua khỏi các bệnh sốt rét và thổ tả ác liệt. Nhờ vậy, quân đội triều Lê đã có sức khỏe chiến thắng quân nhà Mạc. Ở nhà, bà Phương Dung cùng những người giúp việc vẫn tiếp tục cấp phát thuốc men, liên tục chữa bệnh, cứu giúp nhân dân.

Hoàng Đôn Hòa nhờ có môn thuốc công hiệu (phương Tam hoàng hoàn), đã giúp quân đội vượt qua bệnh tật, như câu « *Kim đan viện hộ hung hàng sơn tiêu chương khí* » (thuốc quý đã giúp quân đội làm tiêu tan khí độc lam chương) ở đền Đa Sĩ đã ghi lại thành tích ấy.

Hoàng Đôn Hòa đã lưu truyền các phương thuốc hiệu nghiệm trong quyển « *Hoạt nhân toát yếu* » giúp cho việc cứu chữa nhân dân được rộng rãi. Nhân dân đã tạc tượng thờ ông và khắc đôi câu đối lưu niệm ở đền hiện còn :

— *Tung nhạc giáng thần,
hộ quốc huân cần lưu uyển diệm.*

— *Dược vương xuất thế,*

HOẠT NHÂN (1) công đức mần hoàn doanh.

(Tung Nhạc giáng sinh, giúp nước cần lao lưu phương quý báu ; Dược vương xuất hiện, cứu người công đức khắp cõi bao la).

Đến thế kỷ XVIII, Trịnh Đôn Phác (2), người làng Đa Sĩ, làm Thủ phiên ở Thái y viện, đã thừa kế các môn thuốc của Hoàng Đôn Hòa được hiệu quả và biên soạn lại quyển *Hoạt nhân toát yếu* lưu truyền đến nay.

Từ sau khi Trịnh Đôn Phác phát huy tác dụng của tác phẩm *Hoạt nhân toát yếu*, các triều đại Hậu Lê và Nguyễn mới đổi sắc phong thêm cho Hoàng Đôn Hòa là « *Luong y dược linh thông* »

(1) « Hoạt nhân » cũng ngụ ý nói lên tác dụng của quyển *Hoạt nhân toát yếu*.

(2) Trịnh Đôn Phác (1692 — 1762) thi đậu y khoa Tân đậu (1741) dưới triều Lê Hiến Tông, giữ chức Tá Trung cung Thái y viện thủ phiên, sau được phong Gia Hạnh đại phu, thừa chánh sứ Tuyên Quang, tước Chấn Thọ Nam. (theo gia phả do Trịnh Văn Liễu cháu 9 đời của Trịnh Đôn Phác tặng trữ).

cu si» và phu nhân Phương Dung Từ Thục Trình Ý Kỳ Nương.

Sự nghiệp của Hoàng Đôn Hòa đã có ảnh hưởng lúc đương thời và cả đời sau đối với việc bảo vệ sức khỏe của nhân dân. Cho nên dưới chính thể ta ngày nay, Bộ Văn hóa từ năm 1965, đã xếp hạng đền thờ Hoàng Đôn Hòa ở thôn Đa Sĩ nói trên, như một di tích lịch sử ở địa phương, nhằm phát huy truyền thống vẻ vang của nền y học nước ta.

CÁC MÔN THUỐC CHỮA BỆNH

A - NỘI KHOA

TRÚNG PHONG

1. Thần trùng hoàn

Thông dụng chữa các chứng trúng phong:

Xương bồ, Xuyên khung, Thương truật, Khương hoạt, Bạch chỉ, Tế tân đều 1 lượng, *Tạo giác* (Bồ kết) 5 đồng cân, *Chu sa* 1 lượng, (lấy 1/2 làm áo) (1)

Các vị tán nhỏ, viên với hồ bằng hột ngô đồng (2), mỗi lần uống 1 viên. Chứng lạnh thì uống với rượu, chứng nóng thì uống với giấm. Lại dùng thuốc (mài với rượu) mà xoa chỗ đau.

2. Thanh kim đinh

Chữa trúng phong đàm quyết (sợ đờm), cắn răng cắn khầu khó cho uống thuốc, và chứng sưng họng

(1) Sunfua thủy ngân (HgS) dùng uống mỗi ngày 3 phân đến 8 phân (1,2g đến 3,2g) theo Trung Quốc dược học đại từ điển.

(2) Viên thuốc bằng hột ngô đồng hay hột khiếm thực tương đương với 0,3g

« song nga » há mồm mà không nói được, cũng là bệnh kinh phong của trẻ em, đờm mè không tỉnh :

Huyền hồ 3 đồng cân, *Xạ hương* 1 đồng cân, *Thanh đại* 6 phân, *Bồ kết* 14 hột nướng, tán nhỏ sủ với nước, viên thành thỏi, mỗi thỏi 5 phân, phơi âm cho khô để dùng dần. Khi dùng lấy 1 thỏi thuốc mài với nước giếng (nước chín) thấm vào bông vắt nhỏ vào lỗ mũi để cho thuốc chảy vào họng. Đờm sẽ sộc ra, một chốc thì kiến hiệu.

3 Tô sinh tán

Chữa trúng phong đờm quyết, hơi thở thoi thóp tim còn đập chậm :

Vôi (lấy ở miệng bình vôi cũ) một cặp (1) tán nhỏ hòa với một chén nước đun sôi, lắng lấy nước trong cho uống thì hạ đờm, sống lại.

4. Tam thần tửu

Trị phong thấp đau khớp xương :

Khương hoạt, *Độc hoạt*, *Tùng tiết* (lõi thông) đều 1 lượng, ngâm vào rượu, đun qua (bịt kín, đun cách thủy) mỗi ngày uống 1 chén vào lúc đói.

5. Độc thần phương

Trị phong thấp, khớp xương chân tay đau nhức: *Lưu hoàng* (Điểm sinh) độc vị (một vị) mài với giấm mà uống (2)

(1) Cặp là 1/10 của thăng hay 1/100 của đấu, tương đương với 10 ml hay 10 cc

(2) Sulphur dùng uống mỗi ngày 5 phân đến 8 phân (2g đến 3,2g) theo Trung Quốc dược học đại từ điển.

6. Thần trung đan

Trị đau khớp xương (bạch hồ phong):
Bồ kết giã nhỏ, muối ăn đều 1 lượng, cùng sao (rang) chung, gói vải mà chườm lúc thuốc còn nóng.

7. Lại một phương thuốc chườm:

chữa phong chạy như cắn:
Than củi 5 cân, *dại giun* (đất giun đùn lên) 1 cân, *Hồng hoa* 7 nắm hòa đều, rưới giấm và chung nóng, bọc vải lại chườm chỗ đau nhiều lần thì đỡ.

8. Song giải tán

Chữa các chứng phong đau nhức khớp xương:
Xương chân hổ rửa giấm 3 lượng, *Một dược* 5 đồng cân, tán nhỏ uống mỗi lần 5 đồng cân với rượu.

9. Thần công tán

Trị phong độc đau nhức trong xương tủy:
Xương chân hổ nướng, *Bạch thực* đều 1 lượng, tán nhỏ, đựng vào trong túi lụa, ngâm rượu, chia uống trong 3 ngày, mỗi ngày uống 3 lần.

10. Chính truyền đan

Chữa trúng phong ngã ngất, méo mồm lệch mắt mọi chứng:

Ba đậu (1) 1 hột, *Hồ tiêu* 7 hột, *Chanh* 1 quả. Bỏ quả chanh ra làm đôi, nhét *Ba đậu* và *Hột tiêu* vào giữa rồi khép quả chanh lại cho kín, để 3 ngày đêm rồi lấy *Ba đậu* và *Hột tiêu* ra phơi khô tán nhỏ, viên với hồ bằng hột đậu nhỏ, phơi khô để cất. Khi dùng lấy lá *Trầu không* giã nhừ, chế vào tỳ nước, vắt lấy nước lá trầu

(1) *Ba đậu* độc bằng A, khi dùng bỏ vỏ giã nhỏ bọc giấy bán, ép bỏ kiệt hết dầu, sao vàng. Liều dùng mỗi lần 0,05g, mỗi ngày không quá 0,2g.

dề mài một viên thuốc mà uống. Lại mài 1 viên thuốc nữa với nước nóng đem bôi khắp mình.

Nếu có phát nóng rét thì lấy lá *Hoắc hương*, lá *Tử tô*, lá *Đậu ván* giã như chổi nước vào, vắt lấy nước làm thang mà uống với 1 viên thuốc trên.

11. Ô long hoàn

Chữa trúng phong bại liệt nửa người, chân tay đờ luỗi, méo mồm lệch mắt :

Xuyên ô (1) bỏ vỏ rốn, *Ngũ linh chi* đều 5 lượng. *Long não*, *Xạ hương* đều 5 phân. Tán nhỏ, sử nước làm viên bằng viên đạn (2) mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 1 viên mài với nước gừng hòa thêm rượu. Uống 6, 7 viên là kiến hiệu.

12. Ngoại chinh đan

Chữa trúng phong bại liệt nửa người :

Rễ cây Bồ cu vễ thái nhỏ 1 bát, đồ 2 bát nước, cho vào nồi đất, dùng lá chuối xanh bịt kín miệng, sắc kỹ, lúc sắc xong, chọc một lỗ nhỏ, xông vào bên người bị liệt. Và hàng ngày dùng rễ ấy sắc đặc uống thay chè.

13. Tiếp hiệu phương

Lá duối, *Rau dứa* đều 7 phần, lá *Xoan đầu cái* nửa phần giã nhỏ (chế thêm nước) vắt lấy nước uống, bã thì xát chỗ đau (chữa chứng bại liệt nửa người)

14. Hy thiên hoàn

Khử phong thấp, thông kinh lạc, mạnh tỳ vị, cứng gân xương, chữa chân tay bại liệt và tê dại :

(1) *Ô đầu* độc bằng A. Dùng đề uống thì phải thái mỏng, nấu với đậu đen, phơi khô, và phối hợp với các vị khác. Liều dùng mỗi ngày 0,3g đến 1g

(2) Mỗi viên khoảng 2 phân (0,8g).

Lá Hy thiêm (cỏ đĩ) dùng loại cành đở thì tốt hơn ;
tắm rượu và mật, phơi khô, cho vào chõ đồ, lại phơi
khô rồi lại tắm rượu và mật mà đồ và phơi 9 lần. Tán
nhỏ, viên với mật bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 3
đồng cân với nước chín, mỗi ngày uống 2 lần. Uống
trong 1 tháng thấy đã khác thường là do sức thuốc chạy,
sau thì uống thưa và ít dần.

15. Tả tam tán

Chữa trùng phong cứng lưỡi :

Hùng hoàng (1) 7 phân, *Kinh giới* 7 phân, tán nhỏ, dùng
đậu đen sao, ngâm rượu, mỗi lần uống 2 đồng cân
(8ml) với thuốc.

16. Thành hiệu đan

Chữa kinh giản người lớn và trẻ em rất công hiệu.
Nếu đã dùng thuốc khác không kết quả, thì nên dùng
thuốc này : *Kinh giới tuệ* 3 lạng, *Phèn chua* để sòng
1 lạng 5 đồng cân, tán nhỏ viên với hồ bằng hột ngô đồng,
mỗi lần uống 20 viên với nước sắc *Kinh giới* làm thang.

THƯƠNG HÀN — ÔN DỊCH

17. Cứu cấp thang

Chữa hàn trùng kinh âm, chứng thật lạnh (chân hàn)
mạch không nhảy, hoặc thổ tả nguy cấp :

nước gừng và *rượu* tốt đều bằng nhau, hòa đều cho
uống thì khỏi.

18. Vô hoạn tán

Chữa thương hàn thời khí, sốt cao nói nhảm, phát
cường :

(1) *Asen sunfua*, độc bằng B, liều dùng uống một ngày 1,5g
đến 3g (chia làm 3 lần).

Bồ hòn 10 quả bóc lấy cả hạt, con chạch lớn 1 con, nhỏ thì dùng 2 con, đều đốt ra tro, tán nhỏ, hòa 1 chén nước trong cho uống. Không quá 3 lần là khỏi.

19. Tiêu độc tán (1)

Chữa các chứng ôn dịch, thương hàn mình nóng, miệng khát đau mình :

Hùng hoàng, Diêm tiêu (2) đều 4 phân, Chu sa 2 phân, Xạ hương 1 phân, giấy vàng thép 5 tờ, đều tán trong bát (chậu sứ) thật nhỏ mịn, cho vào lọ cát, trừ để diêm vào khớp mắt, nam thì diêm mắt trái, nữ thì diêm mắt phải, rồi đắp chần cho ra mồ hôi là khỏi.

20. Phép chườm rốn

Trị dịch khí truyền nhiễm đau đầu :

Hột cải bẹ tán nhỏ, đổ vào dây rốn, rồi lấy một vật bọc nóng, chườm cách ly ngoài áo, cho ra mồ hôi là khỏi.

21. Phương chống dịch

Chữa thời khí bệnh dịch truyền nhiễm, nhiệt độc, phiền táo, nói nhảm :

Thanh đại (bột chàm) 1 thìa, uống với nước giếng mới múc.

TRÚNG THẤP

22. Cao ngưu tất

Chữa chân gối sưng đau, nhức xương :

Ngưu tất lấy cả cây, rửa sạch, kiêng sắt (không thái) giã như cho vào nồi, nấu với nước đun bằng củi xoan,

(1) Lưu ý nghiên cứu

(2) Salpetrae Salnitri (Tiêu thạch hay Hỏa tiêu) nếu cùng nghiên với Diêm sinh, Hùng hoàng thì nấy lửa.

chế dần thêm nước, sắc đến khi đặc như cháo, rồi bỏ bã, cho vào lọ sạch đậy kín, chôn xuống đất vài ngày cho hả hơi nóng, rồi lấy lên chế thêm vào 1/3 mật trộn thành cao. Khi uống chế thêm vào một ít rượu, và cho vào một ít bột *Đình hương*, *Hồi hương* hòa đều mà uống.

23. Kỳ phương truyền

Thuốc bóp chữa xương chân đau nhức :

Huyết giác, *Hồi hương* đều 1 lượng, *Quế chi* 2 đồng cân, *Đình hương*, *Cát cánh*, *Long não*, *Cam thảo* đều 1 đồng cân. Các vị tán nhỏ. Lấy *Rau sam* và lá *đây Bim bim* đều 1 nắm, giã nhỏ trộn với thuốc bột trên và chế thêm rượu vào chưng nóng mà chườm bóp chỗ đau, người thì chưng lại cho nóng mà bóp, dần dần sẽ thấy hiệu quả, 7 ngày sẽ khỏi. (Lá *Bim bim* lấy thứ nhỏ lá, loại *Bim bim* đực thì tốt hơn).

24. Kỳ ngộ từ

Chữa bệnh cực khí, 2 chân đau tê :

Rễ gấm sao, *Rễ bươi bung*, rễ cây *Quý xạ đỏ* (Xích hoa xà), *Mộc qua*, *Ngưu tất*, *Đương quy* đều 1 lượng, *Ô dược* 5 đồng cân, *Cam thảo* 3 đồng cân, thái nhỏ ngâm rượu, đậy kín bình, đun qua rồi chôn xuống đất một thời gian. Lấy lên dùng uống trong và xoa bóp.

25. Thủ cân từ

Chữa khí thấp đau gân xương, chân khó co duỗi :
Quả giun (Sứ quân tử), *Bươi bung*, *Rau mả*, *Đào tiềm* (1) đều dùng rễ, bằng nhau, rửa sạch, cắt nhỏ, sao vàng, cho vào bình rượu bịt kín, đun cách thủy, trừ hỏa độc, thường uống thì kết quả.

(1) Theo Nguyễn Hoành, Nam dược cục đời Tây Sơn, là rễ cây *Phượng vĩ*.

26. Kiện bộ tứ

Chữa phong thấp tê dại, hay sau dễ bị tê liệt :
Rễ gấm 3 phần, *Dây kim ngân hoa* 1 phần, cắt nhỏ ngâm rượu, đun cách thủy, để nguội, dùng trong uống ngoài xoa bóp.

27. Sam mộc thang

Chữa bệnh cực khi đau chân, máu chạy lên tim sinh bi trướng, đầy căng, buồn bực :

Mắt cây the mốc 1 nắm to, *Hạt cau* 7 hột, chế đồng tiện vào sắc cạn một nửa thì uống. Thấy ngoài ra nước vàng như nghệ trong bụng thấy dễ chịu thì thôi.

28. Quan âm cứu khổ đan

Chữa các chứng đau nhói chạy chỗ này chỗ khác, do khí phong hàn thấp gây nên :

Diêm sinh 3 đồng cân, *Chu sa* 2 đồng cân, *Xạ hương* 1 đồng cân, các vị đều tán nhỏ. Trước hết cho *Diêm sinh* vào nồi sành đun loãng ra, rồi sau mới cho *Chu sa* và *Xạ-hương* vào hòa đều, đợi nguội cứng lại nghiền lại cho thật mịn, lại đun cách lửa cho hòa đều, đưa ra để khô, cắt ra từng miếng như hột gạo, cắt để dùng. Mỗi khi dùng 1 miếng để vào chỗ đau, di ngọn lửa vào đốt cứu thì khỏi. Nếu chỗ đau diện rộng thì cứu 2 mỗi. (1)

SỐT RÉT CƠN

29. Thang thứ nhất (2)

Chữa sốt rét mới phát :

Trần bì (vỏ quít) *Bán hạ* (củ chóc chế với gừng) đều 2 đồng cân, *Phục linh* 3 đồng cân, *Uy linh tiên* 1 đồng cân.

(1) Đây là một cách cứu bồng, cần tránh chỗ đầu mặt và nơi có động mạch.

(2) Hai thang này giống của *Nghệ Hàm sơ phương* có thể do Trịnh Đôn Phác chép thêm.

Hậu phác (vỏ vối rừng), *Thương truật*, *Sài hồ*, *Hoàng cầm* đều 8 phân, *Thanh bì*. *Hạt cau* đều 6 phân, *Cam thảo* nướng 2 phân, *Gừng* 3 miếng; nước giếng nước sông đều một nửa, sắc còn 8/10, chế vào 1 chén rượu đun sôi lên vài dạo, uống vào lúc đói. (1)

Nếu đau đầu thì gia *Bạch chỉ* 1 đồng cân; không có mồ hôi thì gia *Mu hoàn* 1 đồng cân. Phương này có tác dụng bình vị tiêu đờm, lý khí trừ thấp. Bệnh nhẹ thì uống 1 thang là khỏi. Nếu sau khi uống 3 thang, bệnh còn phát nóng, khó khỏi, thì dùng thêm thang thứ 2 sau đây, uống vài thang là kiến hiệu.

30. Thang thứ hai

Hà thủ ô không chế 3 đồng cân, *Mai ba ba* (cuá đinh) tẩm giấm nướng 2 đồng cân, *Tri mẫu*, *Bạch truật*, *Đương quy*, *Uy linh tiên* đều 2 đồng cân, *Trần bì*, *Sài hồ*, *Phục linh*, *Hoàng cầm* đều 8 phân, *Cam thảo* nướng 3 phân, *Gừng* 3 miếng, cùng sắc với một nửa nước giếng, một nửa nước sông và chế rượu như trên, uống 2, 3 thang.

Phương này vừa công vừa bổ, chứng bệnh hư hay thực đều dùng được. Đây không dùng *Nhân sâm*, *Hoàng kỳ*, và bỏ *Thương sơn Thảo quả*, tuy thuốc bình thường, nhưng rất công hiệu. Đối với người hư yếu, cơn lâu bệnh nặng, sau khi uống 10 thang thì khí sắc cũng phục hồi, hiệu quả chắc chắn. Không nên gia giảm thay đổi một vị nào mới hay.

31. Tiệt ngược hoàn

Thương sơn (2), *Tân lang* (hạt cau), *Chi tử* (hột dành dành) đều bằng nhau và dùng sống, tán nhỏ luyện với;

(1) Có thể đơn giản : đồ nước vừa sôi thuốc sắc lấy 2/3, rót thuốc ra rồi chế thêm vào 1 chén rượu mà uống lúc đói trước khi ăn cơm.

(2) *Thương sơn* dùng sống thì dễ gây nôn, tẩm giấm đồ lên phơi khô thì không nôn.

mật làm viên như hột ngô đồng. Trước khi lên cơn, uống đôn 5, 60 viên với rượu : uống vào giữa bữa cơm : sau khi đã ăn nửa bữa thì uống thuốc rồi ăn tiếp cho no.

32 Tam thánh hoàn

Thường sơn, Hạt cau đều một lượng, *Vây tè tè* (xuyên sơn giáp) sấy khô 1 lượng rưỡi, tán nhỏ làm viên với hồ bột nếp (bằng hột đậu xanh), dùng *Hoàng đơn* làm áo (lăn ngoài) uống mỗi lần 30 viên với rượu trước khi ngủ, và lúc canh 5 (5 giờ sáng) lại uống thêm. Phương này chữa cả bệnh nặng, nhẹ, lâu hay mới đều được.

33. Ngũ hành đan

Chữa dịch sốt rét cả người lớn và trẻ em :

Bột chàm 5 đồng cân, *Xạ hương* 2 đồng cân, *Quế tốt* 5 đồng cân, *Chu sa* 1 đồng cân, *Phèn chua* 5 đồng cân, *Bạch chỉ* 2 đồng cân, *Đậu đen* 36 hột, *Ba đậu* 49 hột bỏ đầu, *Diêm sinh* 5 đồng cân *Hùng hoàng* 1 đồng cân. Tán nhỏ hòa đều, viên với hồ bằng hột ngô đồng, phơi âm cho khô, cất để dành. Khi gặp bệnh phát sinh thì dùng 1 viên mài ra tằm bông nút vào lỗ mũi.

34. Tam hoàng hoàn (1)

Bài thuốc đặc hiệu chữa sốt rét ngã nước, đau bụng, dịch tả :

Hoàng nàn (vỏ doãn) (2) 1 lượng, bỏ vỏ ngoài ngâm nước gạo 14 ngày, *Hùng hoàng* 1 lượng, *Hoàng lực* (rễ sừng) (3)

(1) Sách *Bách gia trân tàng* chép nhầm là do người Hà Lan truyền.

(2) *Strychnos gaultheriana* P. có chất *Strychnin* làm mạnh thần kinh và chất *bruxin* (độc bảng A) cần được chế kỹ : ngâm nước 24 giờ, gọt sạch lớp vỏ vàng ở ngoài, rồi ngâm nước gạo 3 ngày đêm, mỗi ngày thay nước mới một lần, phơi khô tán bột để dùng, mỗi ngày uống 0,1g đến 0,4g.

(3) Rễ cây *Zanthoxylum nitidum* DC có chất *Berberin* (hột là Xuyên tiêu).

1 lạng, đều tán nhỏ, viên với hồ, dùng Hùng hoàng làm áo; mỗi lần uống 5 viên (bằng hạt đậu xanh) với nước thang tùy theo chứng bệnh:

— Sốt rét ngã nước, dùng lá *Dành dành*, lá *Tràng sinh*, lá *Ngải cứu*.

— Đau bụng thì uống với rượu, đau bụng đi ngoài uống với nước cơm,

— Thở tả hoặc loạn, dùng *Hoắc hương*, *vỏ quit*, *Gừng sừng sắc* làm thang.

— Đau hông sườn dùng *gừng sừng sắc* làm thang.

THỞ TẢ HOẶC LOẠN

35. (Chữa thở tả hoặc loạn chuyển gân):

Ngô thù, *Mộc qua* đều 1 lạng, tẩm giấm sao đen, tán nhỏ, viên với hồ bằng hạt nhân, dùng *muối sao cháy sắc* uống làm thang, uống từ từ.

TẢ — LY

36. **Kim thân hoàn**

Chữa đi ly lâu ngày:

Kha tử (quả chiêu liêu) 1 lạng, *Hoàng liên* 1 lạng, bỏ rễ xơ, tẩm nước *Ngô thù* sao, *Nhục khấu* (nhục quả) bỏ dầu, đều 1 lạng, tán nhỏ, luyện với *A giao* (cao da lừa) làm viên bằng hạt đậu xanh, lấy bột quỳ vàng (kim bạc) làm áo, mỗi lần uống 1, 2 viên với nước sắc *Vỏ lựu* làm thang. Uống 2, 3 lần thì khỏi.

37. **Vô giá hoàn**

Chữa ly và đi ngoài ra máu:

Qua sàu đầu rìng (Sơn luyện hay Nha đảm tử) lấy nhân 3 phần *Muội nôi* (xanh mặc) 1 phần, tán nhỏ, viên với

com bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 5, 6 viên với nước chín hay nước com, trẻ em thì rút bột liễn dùng. Nhiệt lý mới phát thì chưa uống.

38. Chữa xích bạch lý

Hột xoan đầu (Khô luyện tử) lấy nhân 5 phân, *lá Sen* 1 đồng cân, tán nhỏ uống với nước chín.

39. Chữa đi ngoài ra máu

Lá sen già nát hòa với nước chín, vắt lấy nước cốt uống.

40. Thần công thang

Chữa mọi chứng tả lý, bất kỳ lâu hay mới:

Đậu đen, *cây Phèn đen* lấy cả cành lá, đều 1 lượng, đồ 4 bát nước, sắc lấy 1 bát, chia ra uống làm 2, 3 lần.

41. Tứ thánh tán (1)

Chữa đi lý ra máu lâu ngày:

Hoàng liên tẩm rượu sả đen (1 đồng cân), *Mộc hương* (1 đồng cân), *Bạch thược*, *hạt cau* (đều 2 đồng cân) tán nhỏ uống với nước com (mỗi lần 1 — 2 đồng cân, ngày uống 3 lần)

42. Tứ thần hoàn (2)

Chữa tả chảy và xích bạch lý:

Nhục khấu nướng 5 đồng cân, *Bạch truật* 3 đồng cân, *Mộc hương* 2 đồng cân, *Phá cỗ chỉ* sao 5 đồng cân, tán nhỏ viên với hồ hoặc, dùng thuốc bột uống với nước com (mỗi lần uống 1 — 2 đồng cân, mỗi ngày uống 2 — 3 lần)

(1) Khác hẳn các phương *Tứ thánh tán* của Trung y.

(2) Khác các phương *Tứ thần hoàn* của Trung y ở chỗ dùng *Bạch truật* mà không dùng *Hồi hương* hay *Ngũ vị*.

43. Diêm my cao

Chữa ỉa chảy :

Ba đậu lầy nhân mài với một tý nước, diêm vào huyết Ấn đường (giữa 2 lòng máy) hễ thấy nổi phồng lên thì thôi.

ĐẠI TIÊU TIỆN

44. Đào hoán tán

Chữa nóng ở trong, đại tiêu tiện không thông :

Kinh giới 2 lạng, *Đại hoàng* 1 lạng, tán nhỏ mỗi lần uống 2 đồng cân.

Phương này dùng *Kinh giới* khí vị nhẹ thanh để đưa dương khí lên, *Đại hoàng* khí vị nặng đục để hạ âm chất xuống, thanh dương thoát lên khiếu trên, thì trục âm tự xuống dưới cùng, tiêu tiện theo đó mà tiết ra. Tiêu tiện không thông thì bội *Kinh giới*, đại tiện không thông thì bội *Đại hoàng*.

45. Diên đảo tán

Trị tạng phủ thực nhiệt, đại tiêu tiện bế :

Đại hoàng, *Hoạt thạch*, *Tạo giác* đều 3 đồng cân, tán nhỏ, uống với rượu vào lúc đói. Đại tiện không thông thì gia *Đại hoàng*, 3 đồng cân (1), tiêu tiện không thông thì gia *Hoạt thạch* 3 đồng cân.

ĐAU BỤNG

46. Trường thống hoàn

Chữa đau ruột :

Hột xoan dẫu (khổ luyện tử) sao vàng, tán nhỏ viên với hồ băng hột đậu xanh, mỗi lần uống 2 viên với nước gừng.

(1) *Đại hoàng* chỉ uống 3 đồng cân cũng đủ xở. Nếu chưa đi ngoài được thì sẽ uống thêm dần.

47. Chữa đau ruột; đau bụng máu

Phèn đen 1 cân, *Muối* 1 cân, 2 vị trộn đều, cho vào nồi, lấy bùn trộn mật trát cho kín, đốt lửa một đêm (vun trấu hằm cả trên vung và chung quanh), lấy ra đợi cho nguội lạnh (tán nhỏ trộn đều) viên với nước chanh (bằng hột đậu xanh) uống mỗi lần 3 viên với nước gừng.

48. Tắt hiệu hoản

Chữa đau bụng :

Đậu xanh 5 đồng cân, *Hột tiêu* 1 lượng, tán nhỏ, dùng *Măng tre* cũng bằng lượng thuốc, giã nát như bùn, luyện thuốc cho đều, viên với hồ bằng hột đậu xanh, uống mỗi lần 4, 5 viên, với nửa nước sôi nửa nước nguội.

49. Ngưu lang tán

Chữa đau bụng và trục các loại giun :

Hột bìm bìm biển, *hột Bìm bìm trắng*, đều 5 đồng cân, *hạt Cau rừng* 1 lượng, tán nhỏ. Khi có bệnh giun thì uống lúc đói vào ngày nửa đầu tháng. Trước tiên uống 1 chén nước đường, rồi uống 3 đồng cân thuốc, lại uống nước đường. Uống liền 3 lần thì giun ra hết. Trẻ em thì uống nửa liều, phụ nữ có thai thì kiêng dùng.

50. Hòa long đan

Chữa đau bụng và đau vùng lâm vị :

Nha tiêu 3 phân, *Hùng hoàng* 7 phân, tán nhỏ cho vào bình cất trữ, dùng điêm vào trong khóe mắt, trai thì điêm mắt trái, gái thì điêm mắt phải. Hoặc gia thêm một tý *Chu sa*, *Xạ hương* càng tốt (gọi là *Bách hiệu hoản*) (1)

51. Giải uất hoản

Chữa nhiệt uất đau bụng đau ruột :

Chi tử (sao) 6 đồng cân, *Ngó thù*, *Hương phụ* đều 1 đồng cân, tán nhỏ viên với hồ bằng hột đậu xanh, mỗi

(1) Lưu ý nghiên cứu, giống như phương Tiêu độc tán ở trên.

lần uống, 30 viên với nước gừng, hoặc gừng và Sinh địa sắc làm thang.

52. Lạp thần hoàn.

Chữa đau bụng, đau vùng tâm vị, và 7 chứng cam của trẻ con :

Nga truật (Nghệ đen) sao giấm, *Nam mộc hương* bỏ vỏ thô, *Hương phụ* ngâm nước gạo, đều 3 lạng, *Phèn đen* phi, *Phèn chua* phi, đều 9 đồng cân, cá diếc 1 con nướng vàng sấy khô. Các vị tán nhỏ, dùng cháo nếp làm viên bằng hột ngô đồng. Uống với rượu ngâm *Mộc hương* và *Gừng* (mỗi lần uống 1, 2 đồng cân, ngày uống 2, 3 lần).

53. Kinh niên tâm thống hoàn

Chữa đau vùng tâm vị lâu năm :

Hương phụ 1 lạng, *Chi tử* tẩm đồng tiện sao đen 1 lạng, *Nhục quế* 5 đồng cân. Tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng cân với *Chi xác* sắc làm thang.

TÍCH TỤ

54. Thần hiệu hoàn

Chữa tất cả các chứng đau vùng tâm vị và các bệnh do khí tích, huyết tích, đờm tích :

Hương phụ sao 5 lạng, *Ô dược* 2 lạng, *Đá bọt* (Hải phù thạch) nung 1 lạng. *Nga truật* : huyết tích thì dùng 5 lạng, khí trệ thì dùng 3 lạng. *Uất kim* : huyết tích thì dùng 2 lạng, khí trệ thì dùng 5 đồng cân. *Mộc hương* : khí trệ thì dùng 5 lạng, huyết tích thì dùng 3 lạng. *Phèn đen* 5 đồng cân (1) (cách chế : lấy 1 cái nồi nhỏ, cho muối

(1) *Phèn đen* : mỗi lần uống 0,1g, mỗi ngày uống 0,25g. Nếu uống 1 - 2g thì nôn.

xuống dưới, để phèn ở giữa, khóa muối khắp 4 phía và trên dùng 1 cái bát đáy kín, buộc chặt, lấy bùn trộn muối trát kín, rồi đốt lửa nung (hoặc vùi trấu hầm) cho đến khi hồng là vừa, lấy ra để nguội bỏ muối dùng phèn. Nung đến lúc sắc phèn vàng là tốt).

Các vị tán nhỏ viên với hồ bằng hột ngô đồng, mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 50 viên. Bệnh về huyết thì dùng *Hồng hoa*, bệnh về khí thì dùng *Trần bì* cùng sắc với lá *Sơn dương* (1) làm thang. Bệnh nặng uống 2 tễ là khỏi.

55. Phá khối tán

Chữa đau bụng, đau hông sườn, hoặc có cục (u hạch): *Hùng hoàng*, *Phèn chua* đều bằng nhau, tán nhỏ, quấy hồ làm cao phết lên giấy, dán áp vào trên vùng có khối u, cứ tiếp tục dán cao cho đến khi đi ngoài ra chất tích kết thì khỏi.

RA MÁU

56. Lập hiệu tán

Chữa tạng độc hay tràng phong hạ huyết đi ngoài ra máu: *Hộc hoa sao*, *Kinh giới tuệ sao*, bằng nhau tán nhỏ, uống mỗi lần 3 đồng cân với rượu.

(Xem thêm phương số 39, ở mục tả — lý trên đây)

LẬU — ĐÁI ĐỤC

57. Hoạt lợi đạn

Chữa các chứng lâm lậu, và đại đở, đại khó:

(1) *Dương núi* (*Populus davidiana* Dode) họ Dương liễu, gỗ dùng làm giấy và làm diêm, vỏ trục giun, chữa đau bụng, sốt ho (Trung Quốc cao đẳng thực vật đồ giám)

Hoạt thạch, Muối đều bằng nhau, tán nhỏ, để trên miếng ngói đối đố, rồi để gần chỗ đi tiêu, đá lên trên cho khi xông lên, 2, 3 lần thì khỏi.

58. Lại dùng một vị *Ngưu tất* cả rễ lá, sắc đặc, uống ngày 3 lần. Hoặc gia thêm một tý *Xạ hương, Nhũ hương*.

THỦY THŨNG

59. Thất thánh hoàn

Chữa các loại phù thũng :

Diêm tiêu (1), *Bồ hóng, Vây điệp* (2) đều 1 lượng, *Vỏ cây dó* 7 đồng cân, *Vỏ phục linh* 5 đồng cân, *Đuôi hương* 5 nũ.

Hồi hương 3 cánh, tán nhỏ viên với cơm, để *Vây điệp* làm áo, viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên, ngày uống 2 lần, cho vào giữa mũi chành mà nuốt. (rồi ăn tiếp 3 khẩu mía).

Phụ nữ sau khi đẻ mà trương nghịch thì dùng *đồng tiện hòa* với rượu mà uống thuốc. Và lấy lá *Đa, Gõ vang* (Tô mộc) sắc uống thay chè. 7 ngày thì khỏi.

60. Nhật phục phương

(Cũng chữa phụ nữ phù thũng) :

Ích mẫu lấy khi có hoa, gác bếp lâu ngày, sao lên, 10 phần, *Vỏ bưởi* gác bếp lâu ngày, sao, 5 phần, *Bồ hóng*

(1) *Diêm tiêu* (KNO₃) liều uống mỗi ngày 2g – 10g. Thuốc có *Diêm tiêu* phải được bọc ngoài để khi uống khỏi khe cò, và nên cho vào giữa miếng chuối mà nuốt.

(2) *Vân mẫu* (Mỏ mica) chế bằng cách cho vào một lượng muối tương đương, giã nhỏ, đựng vào một túi vải dày, nhồi cho đến khi muối thấm hết vào thuốc rồi treo phơi gió, tự nhiên *vây điệp* nát thành bột.

sao qua 5 phần, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân, cho vào giữa quả chuối mà nuốt, mỗi ngày uống 3 đồng cân. Đồng thời dùng lá Đa sao sắc uống thay chè.

PHẠM PHÒNG

61. Thần trung đan

Chữa phòng sự quá độ, bụng trướng nguy cấp :
Vỏ bí đao sao vàng, tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng cân với nước chín (hoặc sắc uống).

62. Hoạt mệnh âm

Chữa trường hợp nhập phòng, ngộ bệnh nguy cấp, và ốm đau liên miên :
Lá cây dương rửa sạch, vò ra hoặc giã nhỏ, cho vào ít muối, vắt lấy nước mà uống.

63. Kỳ vạn phương

Chữa phòng thất bụng trướng vàng da bệnh gấp :
Lá chi thiên 1 nắm, lá Cối xay 1 nắm, Mật mía 1 chén nhỏ, giã vắt lấy nước 1 bát, giải sương một đêm, đến sáng cho vào 1 chén muối và 1 chén mật, quấy đều mà uống khi đói lòng.

CỔ ĐỘC

64. Chữa bệnh cổ độc (trùng độc gây cổ trướng) khi mới mắc, ngực bụng đau tức :
Thăng ma, Uất kim (Củ nghệ) hoặc Ngải vàng đều bằng nhau, sắc uống cho mửa ra hay xổ ra thì khỏi.

TIÊU KHÁT

65. Thần hiệu hoàn

Chữa bệnh tiêu khát, uống nhiều đái nhiều :

Mật đà tăng 2 lạng (1) tán nhỏ viên với hồ băng hột ngô đồng. Sắc *con tầm* lấy nước hòa với rượu và muối làm thang mà uống mỗi ngày 5 viên, rồi tăng liều lên dần mỗi ngày 5 viên, cho đến 30 viên thì thôi. Chỉ uống đến 5, 6 lần là cùng, cần lấy mức độ uống nước làm chừng, đến khi thấy bớt khát thì thôi. Lấy một vật khô áp vào vùng tim, ngày hôm sau tự được ổn định, rất công hiệu.

ĐIÊN CUỒNG

66. Đại hoàng thang

(Chữa điên cuồng vật vã, la hét, chạy càn, đánh mắng người không phân biệt thân sơ):

Đại hoàng 4 lạng ngâm 1 đêm, cắt miếng, nước 3 cân, sắc rồi chia uống làm 3 lần. Chứa khối lại uống thêm. (2)

KINH GIẢN

67. An thần âm

Chữa kinh giản, lên cơn hàng ngày, hay 3, 4 ngày phát một lần:

Cây vàng lờ (Quát mộc), *Hạt cau*, *Thảo quả* đều 5 đồng cân. Nước 4 bát, sắc lấy một nửa, chia uống dần. Uống 2 thang-

(1) *Mật đà tăng*: căn trong dây lò nấu bạc gồm thành phần chính là oxyt chì và một ít các tạp chất khác. Lưu ý nghiên cứu phương này.

(2) Nên uống từ từ, mỗi ngày dùng 3, 4 đồng cân, và bớt liều dần.

HEN SUYỄN

68. Thò đờm thang

Chữa hen suyễn :

Mủ cây xương rồng bả 1 chén con. Mật 1 chén, nước 1 chén, đều sắc mấy dạo, cho uống thì mửa ra hết đờm. Đợi khi ra hết sạch đờm thì cho ăn cháo đậu xanh để bổ. Mỗi lần uống độ nửa chén con. Bệnh nặng uống không quá 2 lần là kiến hiệu (1).

69. Một phương khác

Hột cây Lòng đèn 1 nắm tán nhỏ, cho vào trong bụng con cá diếc, giã như, hấp chín, ăn vào lúc đói, không quá 3 lần là khỏi.

70. Nhất tự đan

Chữa ho đờm hen suyễn :

Bồ kết 3 quả dài, bỏ hột ra. Một quả thì cho vào 10 hột Ba đậu, làm dầu rùng. Một quả thì cho vào 10 hột Hạnh nhân làm nước gừng. Một quả thì cho vào 10 hột Bồ kết làm mật. Cùng để lại một chỗ, nướng cho vàng giòn, tán nhỏ. Mỗi lần dùng 1/4 đồng tiền xúc (0,10g) đổ vào lòng bàn tay (để hất vào mồm) uống với nước gừng trước khi đi ngủ.

HO

71. Nha tạo hoàn

Chữa ho đờm :

Bồ kết 6 phần, rễ cây Dó 10 phần (lấy thứ dưới đất), đốt tồn tính, tán nhỏ, viên với hồ, uống với nước sắc Bạc

(1) Mủ xương rồng có độc, dùng nhiều thì gây nóng ruột dữ dội, nhịp tim nhanh và ỉa tháo nguy hiểm. Nên thận trọng.

hà làm thang. Mỗi lần uống 2, 3 viên (bằng hạt đậu xanh) hoặc cho vào giữa múi chanh mà ngâm, nuốt nước dần dần.

72. Chi thấu hoàn

Chữa ho, bất kỳ lâu hay mới :

Vỏ cây Bồ hòn (bỏ vỏ thô lớp ngoài) 1 lượng, Phèn chua phi 7 đồng cân, tán nhỏ, viên với cơm bằng hạt Khiếm thực, mỗi lần ngâm một viên, cho tan với nước bọt rồi nuốt dần.

73. Bí nghiệm phương

Chữa ho hen suyễn cấp kinh niên :

Phân con sâu dầu 1 cân, Hạt cải củ sao, Hạnh nhân sao, đều nửa cân, Cam thảo 2 lượng. Tán nhỏ hoàn với bánh chưng bằng hạt ngô đồng. Uống mỗi lần 70 viên với nước gừng.

74. Tả phế âm

Chữa ho lâu, nóng âm ỉ trong xương, da nóng như đốt, thường nôn ra đờm, phiền khát, ăn ít, mạch phù : Hoàng cầm 1 lượng, sắc uống luôn một lần cho hết. (1)

75. Ninh thấu cao

Chữa hư lao thổ huyết : phương này nhuận phế mà không ảnh hưởng đến tỳ, bổ tỳ không trở ngại đến phế, phạm chứng ho lao thổ huyết, không uống thì không khỏi được.

Mạch môn 10 lượng, Sinh địa tẩm rượu sao 10 lượng, Long nhãn 8 lượng, Cát cánh, Cam thảo đều 7 lượng, Trần bì 3 lượng, sắc thành cao, Lại gia Ý dĩ tẩm rượu sao 8 lượng, Bối mẫu 2 lượng sao với gạo nếp, Bạc hà 5 đồng cân,

(1) Thánh Huệ phương chữa tích nhiệt thổ huyết dùng mỗi lần 3 đồng cân sắc uống.

đều tán nhỏ, luyện quấy vào thuốc cao trên, ngào thành cao, để hàng ngày ngậm cho tan với nước bọt rồi nuốt dần.

76. Qua lâu hoàn

Chữa lao truyền thi có trùng :

Quạ đen 1 con, bứt lông, bỏ chân, mổ, lòng ruột. *Qua lâu nhân* giã như, cho vào trong bụng *Quạ*, buộc lại cho vào nồi, đổ *đồng tiện* vào chung cho đến khi quạ chín như, lấy ra lại thêm *đồng tiện* và nước vào, lại ninh nữa, làm như thế 3 lần rồi lấy ra bỏ xương, thịt riêng ra, đều phơi khô vào tán nhỏ, viên với hồ bằng hột ngô đồng. Mỗi lần uống 30 viên lúc đói bụng, với *nước tiêu* con trai làm thang. Uống luôn 1 tháng thì thấy bệnh bớt.

77. Song thân âm

Chữa hư lao lâu ngày và bệnh lao truyền thi :

Bầu dục lợn dục 1 đôi, *Đông liên* 2 chén, *rượu* ngon 1 chén, cho vào bình sành ngâm, dùng lửa nhỏ đun chín, mỗi đêm đến canh năm ăn lúc còn nóng và uống luôn cả nước. Dùng liền một tháng sẽ thấy kiến hiệu. Nếu có thò huyết thì gia thêm *Hoa cỏ may* 2 lượng, rất hay.

YẾT HẦU

78. Hoạt mệnh âm

Chữa đau họng nguy cấp :

Rễ cây dó lấy cây mọc lẻ một mình, phải kiêng sắt, lấy lớp vỏ trắng ở trong, cho vào mõm nhai ngậm, nuốt nước. Nếu nguy quá không tự nhai được, nên nhờ người khác nhai trùn nước cho thì sống.

79. Tam bò hoàn

Hột Bò hòn, *Bò kết* đều đốt thành than, *Bò hóng*, đều tán nhỏ, dùng lụa gói lại mà ngậm (cùng chữa đau họng).

80. Tam hựu tán

Bồ hóng 3 phần, Nha_htiêu 2 phần, Muối 1 phần, tán nhỏ, uống với nước giếng. Mửa đôm ra được thì khỏi. Nếu nguy quá không uống được thì lấy lông gà phết thuốc vào họng.

81. Bách linh hoàn

Chữa chứng yết hầu trong họng kết hờn, không nuốt được thức ăn uống :

Muội nời viên với mật bằng quả tráp non, mỗi lần cho uống 1 viên với nước giếng mới múc. Bệnh nguy khốn uống không quá 2 viên.

82. Trâm quan hoàn

Chữa chứng tẩu mã hầu tý (họng sưng chạy lan ra) : Hột Ba đậu bỏ vỏ, dùng giấy và bóng bọc lại, đau phía họng bên nào thì nhét vào lỗ mũi bên ấy, đau cả 2 bên thì nhét cả 2 lỗ mũi. Hoặc lấy dầu Ba đậu tẩm vào giấy, cuộn lại đốt xông khói vào mồm để khói thông vào họng.

ĐAU ĐẦU.

83. Thần hiệu tửu (1)

Chữa đau phong, nhức đầu :

Xuyên khùng 3 lượng, Bạch chỉ, Tế tân đều 1 lượng, rượu ngon 1 cân, sắc thuốc uống dần đến say là khỏi. Cần phải tin và không nên nghi ngờ gì cả. Sau uống tiếp thang Tử vật :

(Địa hoàng, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khùng) gia Sơn thù, Mạch môn, 4 tở, thật hay.

(1) Thuốc thang thường dùng 1/10 lượng trên.

84. Tập nghiệm cao

Chữa đau đầu do phong khí, không chịu nổi :

Hột thầu dầu, *Nhũ hương* đều bằng nhau, giã như, dân vào huyết Thái dương (chỗ lõm cách đuôi mày 1 đốt ngón tay), bỏ xoa tóc cho hơi tỏa ra, rất hay.

85. Nạp ty hoàn (viên nút mũi) :

Chữa nhưc đầu :

Hột thầu dầu 1 hột nghiền nhỏ, trộn với thịt *quả Táo* giã đều viên bằng hột đậu nành, bọc bông nhét vào lỗ mũi một chốc thì chảy nước mũi ra. Rồi bỏ viên thuốc ra, đầu sẽ khỏi đau, không nên để lâu.

86. Nhất ma đan

Chữa đau đầu :

Rễ Săn sục (thiên niên kiện) mài với rượu, thường dùng xoa bóp chỗ đau, thì khỏi.

ĐAU MẮT

87. Trư can đan

Chữa đau mắt chảy nước mắt và cam mắt :

Mai mực, *Vỏ hàu* (Mẫu lệ) đều bằng nhau, tán nhỏ, viên với hồ bằng hột Bồ kết, mỗi lần dùng một viên cùng nấu với *gan lợn* và nước cơm mà ăn.

— Nếu đau xương lỏng mày thì dùng *Tế tân* 1 phân, *Thảo quả* 5 phân, tán nhỏ, gói giấy lại rồi tẩm giấm mà rịt vào huyết Ấn đường (giữa hai lông mày)

— Nếu đau ở Thái dương, thì dùng lá *Dành dành*, lá *Mần tươi*, lá *chanh*, chế vào ít đồng tiện, giã như vắt lấy nước, mài *Tê giác* mà bôi.

— Nếu bị phòng sự mà đau mắt thì dùng lá *Nhài*, lá *Đậu ván*, lá *Dành dành*, lá *Đào*, giã nhỏ cùng với nước

con ốc nhồi, và chế thêm ít nước mới mức, vắt lấy nước, lọc kỹ mà rửa mắt.

— Nếu mắt đỏ loét có trùng sinh ngứa, thì dùng *Phèn xanh*, *Phèn chua*, *Xạ hương*, *Bạch đàn*, đều nhau, tán nhỏ, dùng độ 1 phần thuốc này với 4 phần nước lã kỹ mà đổ. Ngoài ra lại lấy lá *Rau mùng* tươi cho vào một tý muối, giã như, đắp vào huyết Ấn đường.

— Nếu không may, mắt bị vật gì gây chấn thương, thì dùng *Tê giác*, *Đại hoàng*, *Đương quy*, *Xuyên khung*, *Hoàng cầm*, *Hoàng bá* tán nhỏ, lại lấy lá *Đậu ván*, lá *Bạc sau* giã như, hòa đều như bùn mà đắp (cách ly giấy thấm hay gạc).

88. Thuốc nhỏ mắt

1. *Hoàng liên* 5 đồng cân, *Dành dành* 1 quả; *Phèn phi* 1 đồng cân, *tiền đồng* 1 đồng cân. Cho vào 1 chén nước đun cách thủy, lã nước trong mà nhỏ.

2. *Hoàng liên* 2 đồng cân, *Đỉnh hương* 5 nụ, tán nhỏ, chế rượu vào, sắc lấy nước, lã trong mà nhỏ.

89. Chiêu thông đan

Chữa đau mắt :

Rễ cây Quỷ xạ đở (Xích hoa xạ) cắt nhỏ, trai thì dùng 7 miếng, gái thì dùng 9 miếng, rịt vào ngón tay cái gần chỗ móng. Đau mắt trái thì buộc vào tay phải, đau mắt phải thì buộc vào tay trái, đau 2 mắt thì buộc ở cả 2 tay.

90. Cầm ứng đan

Chữa mắt đau có màng mọng :

Lá chua me, cho vào tí muối với giấm, gói lá chuối lại, nướng hay hơ qua lửa, rồi lấy thuốc buộc vào ngón tay cái gần chỗ móng, như lối trên.

91. Bạt vân dân

Thuốc uống trong chữa mắt màng mọng :

Cỏ dùi trống (Cốc tinh thảo), *Phòng phong* đều 1 lượng, tán nhỏ, uống với nước cơm.

ĐAU RĂNG

92. Tiếp ứng phương

Chữa lợi răng thối loét :

Cây Thiên tuế mài với nước, lấy nước đặc mà bôi dần vào chỗ đau.

93. Lao nha tưu

Chữa đau răng và răng lung lay :

Lấy 3, 4 miếng sắt gỉ, đưa vào lửa nung cho đỏ ửng rồi thả vào rượu. Làm 5, 6 lần như vậy, lọc qua bỏ cặn, mỗi lần ngâm một ít, ngâm một lúc rồi nhổ đi. Làm liền như thế 3, 4 ngày. Làm luôn thì thấy đỡ.

94. Chữa sâu răng và đau hàm răng ăn uống khó khăn. *Thăng ma, Tế tân, Bạch chỉ*, đều một đồng cân, tán nhỏ xía vào chân răng, nhét vào khe răng chỗ đau, hay bọc vải lấm nước châm vào chân răng.

BỆNH Ở TAI

95. Đạt thông tán

Chữa thận hư điếc tai :

Bọ cạp 49 con, *Gừng sống* 49 miếng, cả 2 thứ cùng sao khô, tán nhỏ, chia làm 2, để uống làm 2 lần. Vào khoảng canh 2, uống đến sáng là vừa. Ngày hôm sau tự nghe như đánh trống là kết quả. Điếc lâu năm, dùng không quá 2 lần cũng khỏi.

96. Xà bí tán

Chữa trong tai bằng dùng đầu dũa:
Xác rắn dốt tồn tinh, tán nhỏ, dùng lòng ngỗng thổi vào tai thì khỏi. Nếu trong tai có trùng thì trùng chạy ra, nếu vì huyết sưng đau thì cũng khỏi.

97. Điem nhi phương (rỏ tai)

Chữa đau tai và trùng vào tai:
Mãng tre, Lá đào đều bằng nhau, giã như, vắt lấy nước cốt nhỏ vào tai.

Phương thuốc này cũng chữa cả trâu bò bị lở sinh giới, rịt bôi thì khỏi.

ĐAU LƯNG

98. Chi thông thân đan

Chữa đau eo lưng (ngang lưng):
Bạch truật 4 lượng, *Ý dĩ* 3 lượng, đồ 3 bát nước, sắc lấy 1 bát uống luôn một thời cho hết, uống một lần là khỏi.

Phương này hay ở chỗ dùng *Bạch truật* để chữa thấp khí ở eo lưng, *Ý dĩ* lại là vị thuốc trừ thấp, hết thấp mà khỏi đau ngang lưng, không chữa về thận mà chính là chữa về thận thật hay.

99. Thêm 2 lượng *Khiếm thực*, thì phương này lại dùng chữa di mộng tinh cũng hay.

100. Thuốc chườm chữa đau lưng

Lá Bưởi bung 2 phần, *lá Ngải cứu* 1 phần, giã nhỏ, gói lá chuối nướng hay hấp nóng. Lấy một miếng gạch đốt cho thật nóng hực, rải thuốc lên trên, rồi bệnh nhân nằm lên trên, di dúng vào chỗ đau. Hễ nguội thì thay gạch nung nóng.

101. Thần viện từ

Chữa lưng đau gò lại, xương sống vận động khó khăn :
Củ khúc khắc, Củ kim cương, Tỳ giải, dây Đau xương,
Mộc qua, Nguru tất, Khương hoạt, Độc hoạt, Lưu ký nữ,
Rễ gấm, đều bằng nhau, Cam thảo bằng nửa phần, sắc
uống. Ít lâu sau thì dùng rượu ngâm, đun cách thủy lên,
hàng ngày uống, trong vài tuần thì khỏi.

BỆNH TRỊ

102. Thần hiệu tán

Chữa bệnh trĩ bất kỳ lâu hay mới :
Liên tu (Phật tọa tu) phơi âm tán nhỏ, hột Bim bim
biếc tán lấy bột nhỏ lớp dầu, đều 15 đồng cân. Đương
quy 5 đồng cân, tán nhỏ. Uống mỗi ngày 2 đồng cân
với rượu vào lúc đói, 5 ngày thì kiến hiệu. Kiêng ăn
chất nóng.

103. Tứ thần cao

Chữa mọi chứng trĩ rất hay :
Mật đã tãng nung lửa 10 phần, Vỏ lựu sao khô 10
phần, Thạch tín 3 phần, Phèn chua 7 phần, cùng chế.
Các vị tán nhỏ theo tỷ lệ trên, lấy mỡ lợn mới rán trộn
đều, phết lên giấy dán vào, hoặc bôi vào chỗ đau,
14 ngày khỏi hẳn.

B-NGOẠI KHOA

104. Ngộ tiên đan

Chữa bệnh phong hủi, đến giai đoạn ác liệt sống mũi
lõm xuống, tóc mày rơi rụng :

Gai Bồ kết đốt thành tro rồi đồ lên, *Hoàng bá* đều bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng cân với rượu để cho trùng ra.

Hoặc lấy *gai Bồ kết* 3 cân, đốt thành tro rồi đồ một giờ, phơi khô tán nhỏ. Lại dùng *Đại hoàng* 5 đồng cân tán bột, sắc làm thang, để uống mỗi lần với 3 đồng cân bột *gai Bồ kết*. Kiên phòng sự một năm.

105. Hạ mô trừ

Chữa phong hỏa suốt mình sưng loét, đầu tóc lông mày đều rụng, 2 chân loét thối. Uống luôn thì khỏi, thật là phương lạ :

Ênh ương 1 con, đập bùn lại đốt chín, Bỏ bùn ra, liền lấy 1 cái bát to để ênh ương vào, nhân lúc còn nóng tưới rượu vào rồi lấy một cái bát nhỏ đậy kín lên trên, đun sắc độ 2 giờ, xong bỏ ênh ương, lấy rượu uống một lần cho ra mồ hôi, đi ỉa, 3 ngày thì khỏi.

106. Thần tiêu đan

Chữa ung nhọt mới phát :

Lá cà độc dược giã như cho thêm tý muối, đắp chỗ đau, 1 ngày thì tiêu.

107. Thần hiệu kỳ phương

Chữa ung nhọt ở sống lưng và các loại sưng tấy đơn độc :

Trứng vịt thừ mới đẻ 3 quả, lược bỏ vỏ, rồi cho vào nồi nấu cho ra dầu. Đầu con ênh ương 3 cái đốt tòn tính, *Ngân châu* 3 đồng cân (tức Thủy ngân với Lưu hoàng chế ra). Luyện đều thuốc với dầu trứng vịt, đậy kín không cho tiết mất hơi. Khi có mụn sưng thì lấy lông cánh gà phết thuốc vào 4 phía, để hở một lỗ ở giữa cho hơi độc tiết ra thì khỏi đau.

Phương thuốc này có cả tác dụng rút ngòi ra, mà không cần phải mở to đờ nặn. Rất hay.

108. Nha tiêu tán

Chữa ung nhọt phát ở sống lưng :

Rễ cây chó, thứ to thì dùng 3, 4 cái, sấy khô đem tán nhỏ chấm vào chỗ đau, sau khi đã sắc nước *Hành* rửa sạch chỗ mụn.

109. Thần ứng phương

Chữa các loại sưng lở :

Rễ cây cà gai leo, dùng thứ dây bò một mình, kiêng sắt mài ra bôi. Hoặc dùng cả răng người cùng mài, trong ống ngoài bôi. Nếu đã nung mủ thì dùng *lá cà giã* nhỏ với một tý muối mà đắp.

110. Quy kỳ thang

Chữa ung nhọt phát bởi ở sống lưng, đinh râu, đinh độc : *Đương quy* 8 đồng cân, *Hoàng kỳ sống* 5 đồng cân, *Kim ngân hoa* 5 đồng cân, *Cam thảo* 2 đồng cân. Nước 2 bát sắc lấy nửa bát uống vào lúc đói, lúc thuốc còn nóng và chế thêm vài chén rượu vào. Uống xong đắp chăn nằm ngủ. Bệnh nặng cũng chỉ uống 3 lần là khỏi.

Hoặc dùng *Đương quy* 2 lạng, *Hoàng kỳ sống* và *Kim ngân hoa* đều 5 lạng, *Cam thảo* 1 lạng, tán nhỏ, uống mỗi lần 3 đồng cân sắc với rượu, bã thì đắp vào chỗ sưng. Đối với các loại sưng đau phát sốt, đã thành nhọt hay mới sưng cũng đều khỏi. Nếu là sưng vú thì gia thêm *Cát cánh*.

111. Hóa độc bạch cao (Cao dán nhọt)

Nhựa thông 5 phần, *Sáp ong* và *dầu vừng* đều 2 phần, *Bạch cập*, *Bạch liễm*, *Bạch chỉ*, *Nhũ hương* đều 1 phần.

Trước hết lấy 4 vị thuốc (Bạch cập, Bạch liêm, Bạch chỉ, Nhũ hương) ngâm vào dầu vừng 3 ngày, nấu ngào cho đến khi sắc khô vàng, bỏ bã, rồi cho *nhựa thông* và *sáp ong* vào ngào thành cao. Dùng bôi vào chỗ sưng.

112. Thanh ty hồng cao

Nhựa thông 5 phần, *Sáp ong*, *Dầu vừng*, *Hoàng kỳ* đều 2 phần, *Mạch môn*, *Chu sa* đều 1 phần.

Cách nấu cao và dùng như trên.

113. Doãn nung thanh cao (Cao hút mủ)

Nhựa thông 5 phần, *Sáp ong*, *Dầu vừng* đều 2 phần, *Phèn chua*, *Thanh đại* đều 1 phần.

114. Sinh cơ hoàng cao (Cao ra da góm miệng)

Nhựa thông 3 phần, *Sáp ong* 1 phần, *Lòng đỏ trứng gà* hay *Mỡ gà* 3 phần.

115. Tam thân cao

Chữa ung nhọt ở sống lưng và các loại sưng tấy đơn độc, nếu chưa thành nhọt thì tan, thành rồi thì ra mủ; *Hột thầu giầu*, 49 hột bỏ vỏ, *Giấm cũ* 1 bát, *Muối* 1 nhúm nhỏ, cho vào nồi, đun nhỏ lửa, dùng cành đào quấy, ngào thành cao. Hoặc gia thêm *Nhũ hương* và *Hành* càng tốt.

Kiêng rượu và các thức ăn dễ gây phát nóng.

116. Chi thông tán (Cao giảm đau)

Huyết kiệt 10 phần, *Đại hoàng* 7 phần, *Cỏ may* 4 phần đều tán nhỏ, hòa với dầu mà bôi, khô thì lại bôi, khỏi đau ngay. Đối với các loại mụn nhọt đơn độc sưng lở đều công hiệu.

117. Bách hoa cao

Chữa thiên đầu phu sang, tức là dịch ban lở, nổi mẩn khắp đầu mặt thân thể giống như mề đay (hỏa sang) rồi chảy nước vàng đến đâu thì sinh mụn đến đó, nếu không chữa ngay, để chậm mấy ngày thì không chữa được :

Thăng ma 1 lượng tán nhỏ, *Mật ong* 1 lượng, đổ mật vào sắc với *Thăng ma* để bôi sát chỗ lở.

118. Vạn ứng cao

Chữa tràng nhạc :

Cóc 1 con, *Cá mèi mại* 10 con, *Hột tiêu* 20 hột, tán nhỏ, *Thạch tín* một chút, tán nhỏ. Cóc và cá đều đốt tòn lình, trộn với bột *Hột tiêu* và *Thạch tín*, rồi hòa với dầu, bôi vào chỗ đau. Nếu tràng nhạc chưa phá thì tiêu, phá rồi thì hút mủ và ngói ra, là khỏi.

119. Nhị diệu đan

Trị bثور cồ (anh lỵ) :

Lá dây Chia với đồ chín phơi khô 2 đồng cân, *Thạch tín* 2 phân, kiêng sắt, đều tán nhỏ. Lấy rễ cỏ tranh sát vào chỗ bثور cho ra máu, rồi lấy ngọn non lá *Thài* lại chấm thuốc vào chỗ đau. Trong 10 ngày đầu thì điểm thuốc ngày 2 lần, ngoài 10 ngày thì mỗi ngày điểm 1 lần. Kiêng dấy nước lạnh vào, và kiêng ăn các thứ tiết máu, cùng thịt trâu, bò, tôm, trứng. Nếu đã dùng lầm thuốc khác mà thối da, thì lấy phân bò khô, đốt tòn lình, tán nhỏ mà bôi, 5 - 6 ngày thì da lại như cũ, rồi mới có thể dùng thuốc bột trên mà điểm vào.

120. Trong thi uống thang *Nhân sâm dưỡng vinh* viên với mật [gồm *Nhân sâm*, *Hoàng kỳ*, *Đương quy*, *Bạch truật*, *Trần bì*, *Cam thảo* đều 1 đồng cân, *Bạch thược* 1 đồng 5 phân, *Thục địa*, *Ngũ vị*, *Phục linh*

đều 7 phân rưỡi, Quế tâm, Viễn chí đều 5 phân, gia gừng 3 lát, Đại táo 2 quả]

121 Táo thanh tán.

Chữa hắc lao (xích đỉn):

Rễ chít chít (xưa ta gọi là rễ Địa hoàng) 3 phần, *Đỉnh lương*, *Đại hồi*, *Hột tiêu* đều 1 phần. 3 vị tán nhỏ rồi giã *rễ Chít chít*, chế vào một tỷ giấm tốt, gói vải lại mà xát luôn luôn.

122. Một phương thì dùng *Phèn đen*, sao khô tán nhỏ, hòa với *mật lợn* mà bôi. Rất hay.

124. Nhất điem tán

Chữa các loại lở ngứa:

Thủy ngân 1 đồng cân, *Hột tiêu* 70 hột, *Đại phong tử* (Chùm bao) 23 hột. Hai vị sau giã nhỏ, rồi lấy lá *Trầu không* giã vắt lấy nước hòa với *Thủy ngân* sau trộn 2 vị thuốc kia, dùng lụa gói lại mà xát lên chỗ lở ngứa.

Tiếp hiệu phương

Chữa mụn chín mé đầu ngón tay:

Phèn đen sao khô tán nhỏ, giã với *Rau sam* cho nhuyễn đều mà đắp.

C - THƯƠNG KHOA

125. Hùng hoàng âm

Chữa chó dại cắn:

Nấm cây nhẵn 10 phần, *Hùng hoàng* 3 phần. Lấy lá *Khế* vò hay giã với nước, vắt lấy nước, mài 2 vị thuốc trên vào cho uống. Nếu đã phát cơn thì gia thêm *Cam*

thảo. Uống một đợt 10 ngày, uống 10 đợt thì không lo ngại nữa (1)

126. Hồi sinh âm

Chữa chó dại cắn đã lên cơn cũng kiến hiệu :

Cóc 1 con, *Hùng hoàng* (2). Lấy 1 bát giấm xát da cóc vào trong giấm, rồi mài *Hùng hoàng* cho uống.

Hoặc dùng 1 con cóc đốt tồn tinh, tán nhỏ hòa với giấm cho uống

127. Giải tiền độc dược phương

Chữa bị thương tên thuốc độc, máu chảy loạn vào trong, sinh phiền khát, phát nóng, chữa chậm thì chết :

Lá cây dầu sơn (dầu rái) giã như hòa với nước, vò vắt lấy nước thật nhiều mà uống, thì có thể mát lòng và khỏi khát. Lại lấy nhân của hột Dầu sơn nhai nhỏ đắp vào chỗ đau, thì nước đen, rồi nước vàng chảy ra, cứ rịt thuốc mà khỏi.

128. Ứng hiệu đan

Chữa dằm chông hay gai đâm vào chân :

Lấy vỏ cây *Hồng trắng* (hồng có quả vỏ xanh) giã như, cho vào lý muối đắp vào chỗ đau, mỗi ngày thay một lần, vài ngày thì chông gai tự ra.

129. Tương quân đan

Đại hoàng tán nhỏ :

— Chữa bị bỏng lửa, lấy nước sôi trong hòa Đại hoàng vào mà gội hay bôi.

(1), (2) Các phương này không ghi liều dùng. Cần chú ý nghiên cứu để tránh trúng độc của mủ cóc (có chất adrénaline làm nhanh nhịp tim) và Hùng hoàng (sulfure Thạch tín, độc bàng B) khi dùng liều cao.

— Chữa đứt chém, hoặc bị thương ứ máu, thì dùng *Mần tưới*, hay *Cỏ rặng cưa* (chó đẻ), cùng *đồng tiền* giã vắt lấy nước, hòa bột *Đại hoàng* vào, uống trong và đắp ngoài. [Liều dùng tùy nghi vì thuốc không độc].

130. Hắc bạch đĩnh

Với ăn trâu, *Bồ hồng*, luyện đều làm thành thỏi.

— Chữa bị thương súng đạn hay đứt chém chảy máu, lúc ấy dùng một thỏi tán nhỏ mà rắc vào hay mài mà bôi, rồi buộc lại.

— Một phương dùng lá *Trầu không*, lá *Thanh táo*, hay *cỏ Rặng cưa* giã nát với với mà đắp chỗ bị thương.

D - PHỤ KHOA

131. Bảo sinh đĩnh

Chữa phụ nữ khí huyết không bình hòa :

Hương phụ (củ gấu) 8 lạng, chia làm 4, chế với *đồng tiền*, muối, rượu, giấm. Ó mai nhục sấy khô 4 lạng *Cam thảo* nướng 4 lạng, các vị đều tán nhỏ. Dùng *gừng tươi*, hành đều 4 lạng, giã vắt lấy nước, *Giấm thanh* 1 bát, cùng ngào thành cao, rồi trộn với nước làm thành thỏi, mỗi thỏi 2 đồng cân. Chữa các bệnh phụ nữ tùy theo chứng mà gia thuốc thang như sau :

— Khí huyết không thuận, lâm ngực bí đầy, dùng *Tử tô sắc*.

— Đau lưng bụng, chân gối, dùng *Tiểu hồi sắc*.

— Ho suyễn thổ gấp, mặt phù, dùng *gừng sống*, *Tử tô sắc*

— Tỳ vị hư lạnh, nôn mửa, dùng nước *gừng sắc*.

— Thở huyết, trong họng hơi tanh, dùng lá *Dâu già sắc*.

— Cảm nóng vào kinh lạc, mạch máu chạy cản [xuất huyết], dùng *Sinh địa* sắc.

— Máu xấu, xung lên, tức ngực ho dồn, dùng *Gừng, Tai hồng* sắc

— H yết trẻ, đại tiện bí kết, dùng *Chi xác* sắc.

— Rong kinh, bạch đới, đi tiểu luôn, dùng *Ngô thù* sắc.

— Ngực bụng tức đầy, ăn không tiêu, đờm nước ứ đọng, dùng *Sa nhân* sắc.

— Mừng giận lo sợ thương tổn tâm thần sinh mắt phụ ngực căng, chân tay thũng nề, dùng *Xương bồ* sắc.

— Khí huyết tích tụ thành hòn, đấm dứt đau nhói, uống với *Giấm thanh*.

— Khí lạnh vào bụng, đau nhói vùng rốn, dùng *Gừng khô* sắc.

— Có mang, thai trôi lên, dùng *cành Tia tó* sắc.

132. Thần tiên phụ ích đan

Chữa kinh nguyệt không đều và mọi bệnh của phụ nữ, mà rất có công hiệu về sinh dục :

Hương nhu 1 cân (16 lạng), dùng *đồng tiện* ngâm một đêm, lấy ra rửa sạch, giải sương một đêm rồi phơi khô, làm như thế 3 lần, sau ngâm với *giấm* tốt 1 đêm rồi phơi khô tán nhỏ. *Ích mẫu* 12 lạng rửa sạch, sấy khô tán nhỏ.

Lại lấy riêng *Hương phụ* già sạch lòng, vỏ 4 lạng, *Ngải cứu* 1 lạng, sắc lấy nước đặc 3 phần, và thêm *giấm* vào 7 phần, rồi đem thuốc bột trên trộn làm viên bằng hạt ngô đồng. Mỗi lần uống 6, 70 viên với *giấm* nhạt vào lúc đói và lúc sắp đi ngủ.

133. Nhị diệu tán

Chữa thấy kinh không dứt (kinh nguyệt kéo dài) :
Bạch thược đốt tồn tính 2 phần, *Tóc rối* đốt thành tro 1 phần, tán nhỏ, uống mỗi lần 2, 3 đồng cân với rượu. Uống vài ba lần là khỏi.

134. Kinh hiệu âm

Chữa khi hư, bạch đới cùng các chứng lâm (đái không thông):

Lá huyết dụ, lá Tre, lá dâu Đâu xương đều bằng nhau, sắc với nước, và hòa thêm một tý *mật ong* mà uống, 7 ngày thì kết quả.

135. Thôi sinh tiếp hiệu đan

Chữa khó đẻ : nếu đẻ ngang thì chuyên thuận, chưa đến lúc đẻ thì yên, nếu đến giờ đẻ thì dễ đẻ :

Bờ hồng, Muội nôi đều bằng nhau tán nhỏ đều. Hòa rượu với nước giếng mới múc mà uống thuốc. [Mỗi lần uống độ 2, 3 đồng cân, uống từ từ. ND]

136. Phấn thượng đan (thuốc xông mũi)

Chữa sau khi đẻ, huyết vận lên sinh ra hôn mê, cảm khâu, mắt nhắm, sắc mặt [vàng ải] như đất, mình [có cảm giác bông bênh] như mây nôi, chực ngã, đó là máu xấu xung lên tim, cần phải đỡ dậy, không để cho bệnh nhân nằm ngửa, rồi lấy *giấm* tớt 1 bát, đun nóng lên xông hơi giấm vào mũi thì khỏi.

137. Xuy ty đan (thuốc thổi mũi)

Chữa sau khi đẻ, huyết vận xây xẩm :

Bán hạ [chừng 1 đồng cân] tán nhỏ, sủ với nước lạnh làm viên, nhét vào lỗ mũi thì khỏi.

138. Song đồng âm

Chữa sau khi đẻ bị tè liệt :

Rễ cây bán đồ 5 phần, huyết hư thì tăng thêm. *Rễ cây bán trắng* 5 phần, khí hư thì tăng thêm *Ngưu tất* 1 phần, 3 vị cắt nhỏ, rửa sạch cho vào nồi to, nấu kỹ, lọc bỏ bã, rồi cô đặc, đóng vào chai hũ cất trữ. Mỗi lần uống 1 bát và hòa thêm 1 chén rượu, uống vào lúc đói hoặc uống kèm với thuốc cũng được.

139. Diêm hồi tán

Chữa sản hậu đờm nghịch, bụng trướng như gần chết :
Diêm tiêu 1 đồng cân, *Hồi hương* 5 phân, *Thảo quả* 5 phân, *Cam thảo* 3 phân. Tán nhỏ mỗi lần uống 1 đồng cân với *Đông tiện*.

140. Bảo sản hoàn

Chữa phụ nữ sau khi đẻ, phù thũng tê liệt :
Phèn đen 2 lạng, *Phèn chua* 5 đồng cân, *Hột tiêu* 40 hột, *Diêm tiêu* 5 đồng cân. Dùng 1 cái bát to, dưới cùng để một lớp muối 1 lạng, rồi để *phèn đen*, xong để *phèn chua* lên trên, rồi rải *Hột tiêu* và rải *Diêm tiêu* lên trên cùng. Để bát lên trên lò lửa, đun sôi 2, 3 dạo, rồi lấy 1 cái bát nhỏ úp lên trên, đun cho đến khi hết sôi và thuốc khô là được. Lấy ra, úp bát xuống đất một đêm để cho thuốc hút khí đất vào, hễ thấy sắc vàng là tốt, rồi đưa tán nhỏ, luyện với cơm mà viên bằng hột đậu xanh, lấy gạo tán bột làm áo, phơi khô. Mỗi lần uống 40 — 50 viên đến 100 viên (1) với nước sắc cây *Gối hạc* làm thang, hoặc uống với nước chín.

141. Tốc hiệu âm

Chữa sưng vú (nhũ ung) :
Lá tía tô bất kỳ nhiều ít, sắc uống luôn luôn. Đồng thời cũng dùng *lá tía tô* giã nhuyễn đắp vào chỗ đau.

D - NHI KHOA

142. Bảo xích hoàn

Chữa trẻ em cấp mạn kinh phong [cấp kinh phong có chứng bồng đưng sốt cao kinh giật, trợn mắt hôn mê...

(1) Mỗi lần có thể dùng 4, 5 viên cho vào giữa miếng chuối hay múi chanh mà nuốt ; mỗi ngày uống 2 — 3 đồng cân (ND).

Mạn kinh phong là biến chứng của các bệnh mạn tính, ỉa chảy, cam, lỵ, sinh hôn mê kinh giật, khó thở, nguy cấp] : *Con giới trong phân* (Thiên tương tử) lấy vào tháng 6, rửa sạch, cho vào túi vải để ở giòng nước chảy 3 ngày đêm, rồi phơi khô tán nhỏ. *Bọ cạp* (toàn yết) sao. *Tầm gió* (cương lăm) 3 vị đều bằng nhau. Chu sa bột một nửa, đều tán nhỏ, viên với cơm như hạt đậu xanh, mỗi lần cho uống 1, 2 viên, với nước sắc *Kinh giới* làm thang.

143. Kim linh tán

Chữa trẻ em bị cam dã lâu, gầy còm, nhác ăn, và sau dần cổ ngoẹo yếu (còi xương) thường đoán nhầm là chứng *ngũ nhuyển* :

Tầm gió (bạch cương lăm) sao, tán nhỏ, mỗi lần uống 5 phân với nước sắc *Bạc hà* làm thang.

144. Hòa tiêu tán

Chữa trẻ em nhỏ tưa lưỡi :

Diêm tiêu, *Hàn the*, *bột Chàm*, *Cam thảo*, đều bằng nhau, tán nhỏ, dùng lông gà tằm thuốc phết vào trong miệng lưỡi.

145. Chữa trẻ ho đờm hen suyễn

Ba đậu 20 hạt, *Hột tiêu* 40 hạt. Lấy quả chanh bỏ đôi, cho 2 vị thuốc vào giữa, buộc lại, chôn xuống đất (mùa hè chôn 7 ngày, mùa thu chôn 14 ngày), sau lấy lên đốt chín, tán nhỏ làm viên với hồ [bằng hạt đậu xanh], mỗi lần cho trẻ uống 1 viên, người lớn thì uống 2 viên.

— Đờm suyễn thì lấy *Chua me* làm thang

— Ho lâu thì lấy lá *Xương sống* làm thang.

146. Chữa trẻ em hen suyễn đờm hóa

Sơn đậu căn, *Mật cá trắm*, *Cát cánh*, *Cam thảo*, *Mộc hương*, *Hồi hương*, đều bằng nhau, tán nhỏ, viên với hồ

bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 1 viên với nước sắc Bạc hà làm thang.

Tiếp ứng phương

Chữa cam răng thối loét (xem bài thuốc số 92 mục Đau răng)

Trư can đan

Chữa cam mắt, chảy nước mắt (xem phương thuốc số 87 ở mục Đau mắt)

Lập thần hoàn

Chữa 7 chứng cam và các chứng tích, đau bụng (xem phương thuốc số 52 ở mục Đau bụng).

E - THÚ Y

147. Cách nuôi trâu bò

Mỗi buổi sáng ở chuồng ra, trước tiên nên dắt trâu bò cho đi uống nước rồi sau mới cho ăn cỏ thì tránh được chứng trướng bụng. Như mùa đông không có cỏ mà phải cho ăn rơm rạ khô, thì nên lấy nước vo gạo rưới cho ẩm rồi sẽ cho trâu bò ăn; như vậy trâu bò dễ béo mà tránh được chứng táo nhiệt.

148. Phòng dịch

Nếu có dịch trâu bò, thì nên đốt *Thương truật* xông để cho trâu bò hít lấy khói. Như thế có thể tránh được truyền nhiễm.

149. Dịch trâu bò

— Dịch phát về mùa xuân thì miệng chảy đờm rãi liên miên, bụng trướng, ỉa chảy, đùng:

Cốt khí tím (Sơn thanh)(1), *Hương phụ*, *Tử Lô*, *Hạc hồ nê*, (?) *Lão bồ tử* (hột Bồ dai), các vị đều nhau, giã thật nhỏ, hòa với nước cho uống.

150. — Dịch phát về mùa hè thì mắt đỏ, ăn cỏ không nuốt được, dùng :

Cốt khí tím, *Chỉ thiên*, *Sắn dày*, *Giừng gió*, các vị đều nhau giã thật nhỏ, hòa với nước cho uống.

Voi ngựa bị dịch truyền nhiễm cũng đều dùng phương này.

151. — Dịch phát về mùa thu thì dùng :

Cốt khí tím, *Hạc hồ nê* (?), *lá cây Hoa nhài*, *lá cây Khô sâm*, các vị đều nhau, giã thật nhỏ, hòa với nước cho uống.

152. — Dịch phát về mùa đông, thì dùng :

Cốt khí tím, *Thạch xương bồ*, *Đậu xanh*, *lá cây Dưa chuột đất*, các vị đều nhau, giã thật nhỏ, hòa với nước cho uống.

153. **Trâu bò cảm mạo 4 mùa**

dùng : *Quả chuối tiêu xanh*, *cỏ Mần châu*, *lá Mtu voi*, *lá Nhài công*, đều một nắm, giã thật nhỏ, hòa với nước cho uống.

154. **Trâu bò bị cảm, cảm khàn, đuôi không vẫy**

dùng : *Cỏ mần châu*, *rễ cây Gai bánh*, *lá cây Dưa chuột đất*, *lá Nhài công*, *lá dây Mướp đắng*, *Tia tô*, *lá Cúc vàng*, *Quế chi*, *Đậu khấu* (Thảo quả) đều bằng nhau, giã thật nhỏ, hòa với nước cho uống.

(1) *Cốt khí tím* (*Tephrosia purpurea* L.) mọc hoang ở bên đường, giống cây muồng phân, vị hơi đắng mát, dùng chữa viêm dạ dày, đau bụng, cảm sốt (Thường dụng Trung thảo dược thư sách)

155. Trâu bò nghẹn tắc họng

Dùng bột *Bồ kết* thổi vào mũi thì khỏi.

156. Trâu bò đau họng không nuốt được

Phèn chua, rễ cây Sừng, (Hoàng lực), *Bán hạ, Trần bì*, đều bằng nhau, sắc với nước, đợi khi thuốc nguội thì dùng một cái ống, rót thuốc mà đổ vào họng, sẽ nuốt thông.

157. Hoặc dùng : *Dây Tơ hồng, cây Xương sống, cỏ Mần châu, dây Dưa chuột đất, lá Tia tô*, đều 1 nắm. *Phèn chua, Phác tiêu*, mỗi thứ một tý, cùng giã như, hòa với nước, rồi vắt lấy nước đổ vào mồm cho uống thì thông.

158. Trâu bò sưng lưỡi và sưng họng không ăn được

Phèn chua, lá cây Thanh táo, lá dây Rung rúc, Kim ngân hoa, đều bằng nhau, giã nhỏ hòa với ít nước, rồi vắt lấy nước mà tẩm vào lưỡi, họng của trâu bò.

159. Hoặc dùng : *Nước bèo (mặn), Muối trắng, lá Khế*, giã nhuyễn mà đắp.

160. Hoặc dùng : *Lá hẹ, lá cây Nụ áo, Bồ hòn, Muối ăn*, đều bằng nhau, giã nhỏ mà đắp.

161. Trâu bò ho

Dùng *Bán hạ, Phèn chua, Bạch đàn hương, Ngô thù Cam thảo*, lá và rễ cây *Bướm bướm*, các vị đều bằng nhau, *Gừng sống* 5 miếng, nước 1 bát to, sắc lấy một nửa cho uống.

162. Trâu bò bụng hông trương đầy

Đại hoàng, Chi xác, Phác tiêu đều bằng nhau, sắc cho uống.

163. Hoặc dùng *Hà thủ ô*, *Nam mộc hương*, *Chi xác*, *Đại hoàng* tằm rượu, đều bằng nhau, sắc cho uống.

164. Thuốc dùng ngoài

Lá dây Chia với giã nhuyễn, hòa với *Giấm* chung nóng để xoa khắp mình trâu bò, xong lấy chiếu dày đắp cho nó

165. Trâu bò đau bụng đi ngoài

Củ nâu, *lá Đậu ván*, *Lá duối*, đều bằng nhau, giã nhỏ hòa với nước cho uống.

166. Một phương dùng *lá Lưỡi hùm* giã nhuyễn rồi cho vào một bát cơm, giã đều, nhét vào mồm trâu bò cho nó nuốt.

167. Một phương dùng *Vỏ với rừng*, *Hạt cau* đều bằng nhau, sắc rồi chế thêm nước đường cho uống.

168. Một phương dùng *Lá lấu*, *lá Bồ cu vễ*, *Lá duối*, *Lá vông*, *lá dây D. ra chuột đất*, *lá cây Hoa quỳ* đều bằng nhau, giã nhuyễn, cho thêm vào một nắm bột gạo nếp, rồi hòa với nước cho uống.

169. Trâu bò đi lỵ không dứt

Lá Thanh táo, *lá Thường sơn*, *lá Mẫu đơn*, giã nhỏ, sắc cho uống. Hoặc dùng một vị *Thường sơn* giã nhỏ hòa với nước cho uống.

170. Trâu bò sau khi tả lỵ đái ra máu

Rễ cỏ tranh, *Gỗ vang*, *Hồng hoa*, *Hòe hoa* (sao) *Vỏ rễ dâu*, *Ích mẫu* đều bằng nhau, sắc cho uống.

171. Trâu bò đái ra máu

Con trùn đất 1 bát, *Ốc nhồi bỏ vỏ* 1 bát, *Mật đở* 1 bát, *Đậu đen* 1 bát, *Lá hẹ* 1 nắm cắt nhỏ, sắc với nước; rồi lấy 1 bát *chuối tiêu xanh* giã nhỏ trộn với bột gạo tẻ, hòa cho uống luôn luôn.

172. Trâu bò dai chất trắng

Sa nhân, Hương phụ, Chỉ xác, Cam thảo, Xương bồ, Tô mộc, Phèn chua, Xích phục linh tán nhỏ, hòa với 2 bát nước cho uống.

173. Trâu bò chửa, gặp thời khí phát nóng, mệt mỏi ít ăn, ỉa ra máu

Hồng hoa, Tô mộc, Ích mẫu, Chỉ thiên, Đương quy, Trần bì, A giao, Xương bồ, Tầm gửi cây dâu đều bằng nhau, gừng sống 3 miếng, nước 2 bát sắc lấy 1 bát cho uống.

174. Trâu bò phát cước chân sưng đau

Lá vông, rễ Ráy sần sục, Cổ nự áo, Xương sống đều bằng nhau, giã như rít vào thì tiêu.

175. Trâu bò trúng phong, chân đau tê không bước được.

Vỏ cây vông, rễ cây Bán trắng, rễ cây Vây đỏ, Lá ba gác, Ích mẫu, Nghệ vàng, Uất kim, lá Ké đầu ngựa, lá cây Muồng muồng (Thảo quyết minh), Bồ hóng, Vỏ quít, Long não. đều bằng nhau, tán nhỏ, hòa với rượu đun qua, dùng hóp khi đang nóng.

176. Trâu bò cây bừa nhọc mệt quá hay thiếu ăn, gầy tốp

Lá bạc sau, lá Mảnh cọng, rửa sạch giã nhỏ, trộn với bột gạo, hòa với nước cho uống.

177. Trâu bò mình nóng, môi mệt không ăn

Sài hồ, Cát cánh, Xuyên khung, Phục linh, Đương quy, Sa nhân, Hoàng cầm, Hoàng bá, Hoàng liên. Trần bì, Hương phụ đều bằng nhau, gừng sống 3 miếng, nước 2 bát, sắc lấy một bát cho uống.

178. Trâu bò chân bị hà ăn hay đuôi sinh giới

Lá cây Xương rồng bó, giã như hòa với 4 bát nước
Vối sắc còn 2 bát, tẩm bôi vào chỗ đau, 5, 6 lần thì
khỏi.

179. Trâu bò bị nổi mụn lở bong nước

Quả Bồ hòn và cả lá Bồ hòn giã nhỏ, hòa với nước
tiêu và thêm một ít nước, cho uống.

180. Một phượng dùng Cỏ roi ngựa giã nhỏ, hòa với
Giấm thanh và một ít nước, vắt lấy nước cho uống, bã
thì đắp vào chỗ lở.

181. Hoặc dùng lá Tía tô, Muối, Cỏ chỉ thiên, lá Nhài
công, lá cây Tầm sét, Bồ hòn và Phèn chua đều bằng
nhau, giã nhỏ, hòa với nước mà xát vào chỗ đau.

182. Trâu bò bị lở có giới hoặc nôn mửa ỉa chảy

Bột Cam thảo, Hoạt thạch, Hùng hoàng (đều làm quân)
Quế nhục (làm thần) Hồi hương, Thảo quả (làm tá) Chu
sa (làm sứ, chứng nóng thì thêm, lạnh thì bớt một nửa)
đều tán nhỏ, rồi lấy lá Bưởi bung chế nước vào giã
nhỏ, vắt lấy nước để quấy thuốc bột trên vào cho uống,
lại lấy lá Bưởi bung giã nhỏ đắp vào chỗ đau.

Phượng này không riêng chữa trâu bò, nếu người
gặp chứng như thế cũng dùng được cả.

183. Trâu bò bị thương do sa cày, hờ cày

Cây Quỷ xạ đỏ (Xích hoa xà) Bồ hòn đều bằng nhau,
Muối một ít, cùng giã nhỏ, hòa với nước rồi vắt lấy
nước cho uống và bã thì đắp vào chỗ đau, sau khi đã
dùng với vẽ khuyên vòng 4 phía quanh vết thương.

184. Ngựa bị thời khí ôn dịch

Cây chuối tiêu, lá cây Com lênh, lá Quit hôi, lá Dâu,
lá cây Chu thiên, lá Mía voi, Cỏ màn châu, lá Mảnh cọng,

Củ Tỏi, Thiên môn, Bồ hóng đều bằng nhau, giã nhỏ, hòa với nước cho uống.

Phương này chữa cả trâu bò bị ôi dịch truyền nhiễm.

185. Ngựa bị nhọc mệt, chóng mặt xay xam

Đương quy, Sinh địa, Bạch thược, Đại hoàng, Thăng ma, Hậu phác, Hoàng bá, Hoàng cầm, Cam thảo, Sài hồ, Mộc hương, Chỉ xác, Phác tiêu, Khô sâm, Sa nhân, Ma hoàng, Liên kiều, Hoàng kỳ, Hoàng liên, Trư linh, Phục linh, Cát cánh, Trần bì, Mộc qua, đều bằng nhau, giã nhỏ, nước 3 bát sắc lấy một nửa, cho thêm 3 quả trứng gà sống, 5 tép Hành giã nhỏ hòa với thuốc cho uống.

186. Ngựa xuyên thớ hiu hiu, trướng đầy không ăn

Đương quy, Phòng phong, Hoàng cầm, Tế tân, Cam thảo, Tử uyển, Ngũ vị tử sao, Bạch linh, Nhân trần, Hồắc hương (đều bằng nhau làm quân) *Khương hoạt, Xuyên khung, Tri mẫu, Bối mẫu, Cát cánh, Sài hồ, Khoăn đông hoa, Chỉ thực, Kinh giới, Nhục khấu*, (đều làm thần), *Hậu phác* sao, *Nam tinh* tằm gừng sao, *Can khương* sao, *Trần bì, Thanh bì* (đều làm tá), các vị đều tán nhỏ, mỗi lần uống 3 lạng. Dùng rượu, mật ong đều 1 chén, lá Hẹ 1 nắm giã như, hòa đều vào thuốc cho uống.

187. Ngựa đau họng không ăn được

Lá dâu Tơ hồng, lá cây Chỉ thiên, lá Nụ áo, Củ gấu, Phèn chua, Đại hoàng (đều làm quân), *Cam thảo* (làm thần) tán qua, cho vào một bát nước sắc lấy một nửa cho uống. Nếu không khỏi thì cho thêm *Ván thối* (ván sắn, cát mã) đốt tồn tính, độ 10 lạng, tán nhỏ, dùng bột gạo nếp làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần gia thêm 30 viên vào thuốc trên, sắc cho uống.

188. Ngựa bị ho

Trần bì sao, Chỉ xác sao, Hậu phác sao, Hương phụ sao, Cát cánh, Tử tô, Ngưu tất, (đều làm quân) Bán hạ, Cam thảo, Sài hồ, Đinh hương, (đều làm thần) Hoàng cầm, Xương bồ, Tri mẫu, Nhục khấu, Hùng hoàng (đều làm tá) Tỏi 1 củ đều tán qua, chế thêm ít giấm, nước 1 bát, sắc lấy một nửa, bỏ bã, lấy nước hòa thêm nửa bát nước tuyền cho uống.

189. Ngựa ngậm cỏ không chịu ăn

Hoắc hương, Hậu phác, Thương truật, Cam thảo, Xương bồ (đều làm quân) Thần khúc, Bạch linh, Phụ tử, Mộc thông, (đều làm thần) Thanh bì (làm tá) Tỏi 1 củ, Tro ván thối 2 viên, tán qua đồ 1 bát nước sắc lấy một nửa cho uống. Nếu không khỏi thì thêm Phòng phong, Bạch chỉ.

190. Ngựa bại chân không thè co đuôi được

Ổ dục, Hậu phác, Ngưu tất, Thương truật, (đều làm quân) Đương quy, Cam thảo, lá cây Quỷ xạ đồ (đều làm thần) rượu, nước đều 1 bát, sắc lấy một nửa cho uống.

191. Ngựa nằm rồi không đứng dậy được

Khô sâm, Long cốt, Thảo quả, Mộc hương, Mộc thông (đều làm quân) Đại hoàng, Thương truật, Đinh hương, hạt Vông vang (đều làm thần), rễ cây Gai kim (Bạch lực) rễ cây Sừng (Hoàng lực) Bồ kết (đều làm sứ). Các vị tán nhỏ nước và đồng tiện đều nửa bát, hòa thuốc vào cho uống. Nếu chưa kết quả thì hòa thêm vào thuốc 1 quả trứng gà sống cho uống.

192. Hoặc dùng phương thuốc nam :

Rễ cây Sỉa bó (Hà thủ ô) rễ Rung rúc, (đều làm quân) rễ Tầm sét (làm thần) Thiên môn, rễ Cà quánh, Xương

bồ, rễ Xoan dầu, (đều làm tá) *Chu biên*, *hột Bồ hòn*, *Hành*, *Tỏi* (đều làm sir) đều giã nhỏ, hòa với nước cho uống, lấy bã sắc lên xông, bóp.

193. Ngựa ia chày

Củ nâu, *Nam mộc hương*, *Chỉ thiên*, (đều làm quân) *Cam thảo*, *rễ Cỏ tranh*, *lá Mơ lông* (đều làm thần) *Nhục khấu*, *Tô mộc*, *Quế chi*, *Mộc thông* (đều làm tá) các vị tán nhỏ. *Giờng sống* 3 miếng, nước 1 bát, sắc lấy một nửa cho uống. *Nhiệt thì gia Qua lâu* (nhân hột dừa trời), *Cát cánh*, *Hoàng liên*.

194. Ngựa bị ung nhọt

Tỏi, *Nghệ* đều bằng nhau, giã như hòa với *giấm* mà bôi.

195. Ngựa bị sưng hòn đá (Mộc thận)

Ngó Thù, *Hột tiêu*, *Khô sâm*, *Đinh hương* (đều làm quân) *Hoàng bá*, *Phác tiêu*, *Huyết kiệt* (đều làm thần) tán nhỏ hòa với rượu mà bôi. Nếu chưa khỏi thì gia *Vỏ rễ dâu*, *Vỏ chân chim* (ngũ gia bì), *Nyru tất*, *Vỏ trai* (tán bột)

196. Một phương dùng: *Mộc thông*, *Hoàng cầm* (làm quân) *Thương truật* (làm thần) tán nhỏ hòa với rượu cho uống.

197. Ngựa bị nổi mụn lở

Vảy di sắt, *Vỏ hàu*, (Mẫu lệ) đều nhau và đốt thành than, *Xương bồ* 1 nắm giã thật nhỏ, *Tro ván thối* 5 viên và dùng nước tiểu làm thang cho uống. Nếu chưa khỏi thì gia *Thương truật*, *tỏi*, sắc làm thang hòa với thuốc bột cho uống.

198. Một phương dùng *Phân lợn* 1 nắm to, nước và nước tiểu đều nửa bát, hòa đều cho uống. Nếu chưa khỏi thì gia nước *Chuối xanh* vắt ra hòa với thuốc cho uống.

199. Ngựa bị rắn cắn

Lá xoan dâu, lá Ráy, lá Cà độc dược, Hột tiêu, (đều làm quân) Quế chi, Bồ hồng, Bồ kết (đều làm thần) Đinh hương, Diêm tiêu, Xác rắn đốt lòn tiner (đều làm tá) Tóc rối đốt thành tro (làm sứ), đều tán nhỏ, lấy 1 chén dầu đun sôi lên, đợi nguội lạnh rồi hòa thuốc mà bôi.

200. Gà bị bong lở như lên sởi

Lá gấc mẩn (cúc mẩn) giã nhỏ, chế ít nước vào. vắt lấy nước cho uống, bã thì xoa bôi chỗ nổi mẩn.

201. Mèo gầy còm, rù môi, nằm mà không ăn

Ô dược để sống mài với nước cho uống.

Mỗi ngày vào giờ *tý*, giờ *ngọ*, giờ *mão*, giờ *dậu* (1) hay không cứ giờ nào, ở trong gian nhà yên lặng, trái nệm dày lên trên giường, cởi áo nói thất lưng, giữ thân thể cho ngay thẳng, thoải mái, không dựa, không cúi, ngồi khoanh rộng hai chân, nhắm mắt nhìn ngằm xuống rốn. Lấy bông bịt lỗ tai, tâm dứt hết lo nghĩ, để hít thở theo ý mình, luồng đi luồng lại, lên xuống giữa tâm và thận; chớ vội vàng, chớ chậm chạp, phải để tự nhiên. Ngồi như vậy độ khoảng thời gian đốt hết một nén hương, thấy hơi ở trong miệng và mũi thở ra hít vào nhẹ nhàng, dần dà dịu dàng và điều hòa. Lại ngồi thêm khoảng đốt hết một nén hương nữa, thấy hơi ở miệng và ở mũi ra vào tựa như không có, bấy giờ sẽ duỗi chân, mở mắt, bỏ bịt lỗ tai, xuống giường đi vài bước, lại nằm ngửa trên giường, ngủ đi một lát, rồi dậy ăn nửa bát cháo nhạt. Chớ có bực tức giận dữ, cho tổn thương đến công phu luyện tập yên lặng của mình. Mỗi ngày cứ chuyên tâm theo phép như thế mà làm, hai tháng sẽ thấy công hiệu.

Nội kinh nói : « Tâm tư yên tĩnh hư không — tâm tư yên định lặng lẽ, không ham muốn mưu cầu gì, thì thân khí cũng theo đó mà điều hòa, tinh thần giữ vững được ở trong, bệnh tật còn từ đâu mà đến được nữa ». Sách *Thai tức* nói : « Khí vào thân người ta gọi là sống, thân bỏ lìa xác gọi là chết, biết giữ gìn thân khí thì có thể sống lâu được ». Cho nên giữ được tâm tư yên định không mưu cầu gì để nuôi dưỡng thân khí: thân đi là khí đi theo, thân ở thì khí ở. Nếu muốn sống lâu, thân khí phải được cùng ở lại. Khâu Trường Xuân nói : « Nếu hơi thở có một tý nào không đều, tức sự sống không còn là của mình nữa ». *Tiên kinh* nói : « Người ta ở giữa khí trời

(1) Giờ *tý* : 24h — 1h, giờ *ngọ* : 12h — 13h, giờ *mão* : 6h — 7h, giờ *dậu* : 18h — 19h.

như cá ở trong nước, cá không có nước trong một khắc là chết. Người ta không có khí trong một khắc cũng chết. Thần là tinh người, khí là sinh mệnh. Thần không chạy ngoài thì khí được yên định. Lại nói: « Khi dương chưa hết thì chưa chết ». Đông Viên nói: « Khí là ông tổ của thần, tinh là con của khí. Khí là cưỡng rể của tinh thần ». Tang Du Tử nói: « Tinh là do khí hóa ra mà thần tụ vào đó. Nguyên khí đầy đủ thì tinh thần ắt đủ vậy ». Lo lắng dấy động ở trong thì sự hiểu biết tri khôn nhân đó mà kém dần, khí cũng có thể không tới được. Thần vi như mẹ, khí vi như con, thần có thể gọi được khí (như mẹ gọi con vậy). *Linh khu* nói: « Không có khí ra vào thì *thần cơ*, cũng bị hóa diệt, không có khí lên xuống thì *khí lập* cũng bị nguy khốn. (Đó là ý nói gốc ở trong gọi là *thần cơ*; thần mất thì then máy dừng; gốc ở ngoài gọi là *khí lập*, khí ngừng thì sự biến hóa dứt). Cho nên nếu không có khí vào ra (1) thì không có sự *sinh, trưởng* (lớn), *tráng* (khỏe), *lão* (già). Nếu không có khí lên xuống thì không có *sinh, trưởng, hóa, thu, tàng* (2). Vì thế sự *xuất, nhập, thăng, giáng*, không vật nào là không có. (hữu tinh hay vô tinh, vật nào cũng đều có 4 sự việc này). Cho nên khí là nghi dung của sinh và hóa (phẩm vật có hình đều gọi là khí).

(1) Theo giải thích của Cảnh Nhạc, vào ra đây là ăn uống hít thở [trao đổi vật chất với ngoài] là nói về người. Lên xuống đây là khí âm khí dương lên xuống ở loài thực vật. Gốc rễ của con người là ở phía trong, gọi là *Thần cơ*; gốc rễ của thực vật ở phía ngoài gọi là *khí lập*. Thần cơ ở con người mà đi mất thì người chết ngay. Vỏ của thực vật mà róc hết thì cây cũng sẽ chết.

(2) Quy luật biến đổi của muôn vật cũng giống như trình tự biến đổi của khí hậu 4 mùa đối với cỏ cây hoa màu: mùa xuân thì sinh ra, mùa hạ thì lớn lên phát triển, cuối hạ thì hóa đờ, mùa thu thì thu lại, mùa đông thì cất giấu.

Một khi khí tan thì lia ra, sự sinh hóa ngừng lại. (Đời sống con người có hạn định, nên khi vật chất đã tan và tách ra thì khí dương về trời, khí âm về đất, việc sinh và hóa không còn nữa). Cho nên không có vật chất nào là không có vào, ra, lên, xuống. Vật chất biến hóa có cái nhỏ cái lớn, mức độ có cái xa cái gần (ít năm, nhiều năm). Có bốn sự việc (vào, ra, lên, xuống) như thế, quý sao cho giữ được bình thường, nếu trái thường thì tai hại đến ngay. Cho nên nói rằng : không có hình, không có lo, là nghĩa thế. Khí của hậu thiên (1) với khí của tiên thiên (1) cùng một gốc mà khác tên. Tiên thiên vốn giao kết vô hình, hậu thiên có hình nên trông thấy được. Thực ra chỉ là một mà thôi, cho nên nói rằng : lấy tiên thiên luyện hậu thiên, chế hóa nhau thành thần tiên. Người biết dưỡng khí thì bước đi phải khoan thai mà vững vàng, đứng phải yên định mà kính cẩn, ngồi phải ngay ngắn mà thẳng thắn, tiếng nói phải êm đềm mà điều hòa, khiến cho thân mình thường ở trong bầu nguyên khí thái hòa. Luyện được như thế, lâu lâu tự nhiên có khí tượng bậc thánh hiền.

Thở có 4 trạng thái :

1. Hít thở mà có tiếng là thở «gió», không phải là thở «tức», giữ lối thở «gió» thì tán mất khí.
2. Hít thở tuy không có tiếng mà trong mũi sít trệ là thở «suyễn», không phải là thở «tức». Giữ lối thở «suyễn» này thì khí kết lại.
3. Hít thở không có tiếng, không trệ, mà ra vào có dấu vết là thở «khí», không phải là thở «tức». Giữ lối thở khí này thật mệt nhọc.

(1) (1) Khí tiên thiên vô hình là nguyên khí sẵn có ở trong từ khi bản sinh. Khí của hậu thiên hữu hình là khí trời và khí của thúy cốc trao đổi với ngoài vào.

4. Gọi rằng thở «tức» là hít thở phải không có tiếng, không trệ, nhẹ nhàng như không có ra, không có vào, dài dài lìm lìm, như còn như mất, tâm thần không còn vướng vất tới ngoại cảnh quanh mình, không có mình mà không có người, thần và khí dựa vào nhau, đó là cách thở «tức» vậy.

Đến lúc này cách thở đã vào nhịp điệu của «tức» rồi, thì còn gì mà phải bận tâm điều hòa nữa, thần trở về với bản vị của mình, hơi thở «tức» được ổn định. Tâm và tức dựa theo nhau, thủy và hỏa dung hòa cùng nhau, thì tức [hơi thở] này đến tức [hơi thở] khác đều về gốc rễ (là mẹ của kim đan) (1).

Bài quyết 16 chữ nói rằng : « Một hít vào để đem khí đi về phía rốn. Một khi đem khí nuốt xuống là để thủy hỏa gặp nhau ». Không cứ gì khi đi khi đứng, khi ngồi khi nằm, lưỡi đá vào miệng rồi đưa lên vòm mồm, để cho nước miếng ứa ra đầy miệng, phải nuốt dần xuống cho có tiếng ực ực (nuốt xuống ực ực làm cho trăm mạch được điều hòa). Trong khi nuốt nước miếng, mũi hít khí trong lành, dùng ý đưa mắt theo nước miếng cho tới chỗ dưới rốn 1 thốn 3 phân (tức Đan điền), giữ hơi một lát, gọi là một lần thở vào (hấp). Sau đó đưa theo hạ bộ nhẹ nhàng như cảm giác nhện ỉa, lại dùng ý đưa mắt dẫn khí từ chỗ xương cùng dọc lên hai bên cột sống cho tới Ngọc châu (phía trên gáy chỗ gối đầu) dẫn tiếp thấu vào trong não đến chỗ Nê hoán (giữa 2 lông mi), gọi là một lần thở ra (hó). Hết vòng rồi lại bắt đầu, lần lượt hít thở như vậy. Lúc nuốt nếu có nước miếng càng tốt. Nếu không có nước miếng cũng vẫn nuốt ực ực.

(1) Kim đan là thuốc quý luyện bằng Đơn sa, uống để sống lâu. Đạo giáo còn quan niệm « luyện đan » là phép luyện thở thấu tận « Đan điền ». Đan điền cũng được gọi như một « kim đan » rất là quý báu.

Cần ngày nào cũng luyện như vậy không gián đoạn, bất kỳ nhiều, ít. Lâu ngày tinh thần sẽ khỏe mạnh, không xảy ra bệnh hoạn gì. Vì phép đó là lấy chân thủy tưới vào gốc thiêng của sinh mệnh. Phạm khí tâm của người ta được yên tĩnh, thì tinh thần thoải mái; tinh thần thoải mái thì sinh hạnh phúc. Người ta còn có thể chế hóa được chất độc để cứu khỏi bệnh chết, gây niềm vui mừng để được sống lâu hơn thì ắt cứu được tai hại cho thân thể mình và trừ bỏ được mối lo ngại cho người khác.

Tóc phải thường chải, mặt nên xoa vuốt nhiều, ngực phải thường che giữ, mắt phải thường vận động. Tai phải thường ngưng, miệng phải thường nhắm lại. Răng nên thường gõ vào nhau, khí nên thường đưa lên xuống, nước miếng nên thường nuốt, hơi đục nên thường hà ra, lưng nên thường giữ cho ấm, bụng nên thường xoa sát, bìu dái nên thường bao che luôn, khớp chân tay thường nên vận động luôn, da thịt nên thường tắm khô (xoa sát), khi đi đại tiểu tiện nên nhắm miệng chớ nói.

b) THUYẾT THANH TÂM TIẾT DỤC

Con trai 16 tuổi là đến cử Thiên quý (1). Con gái 14 tuổi là đến cử Thiên quý (1) Trai gái giao hợp quá sớm hay quá độ thì tổn hại đến nguyên khí của tiên thiên, là lý do chết non. Nam đến (8×8) 64 tuổi thì hết cử Thiên quý, nữ đến (7×7) 49 tuổi thì hết cử Thiên quý khi đó thì nguyên khí không sản sinh nữa. Nếu nhập phòng bừa bãi, là tự rút ngắn tuổi thọ của mình. Huyết thân thể người ta chạy suốt khắp xương tủy, khi giao

(1) Âm tinh của thận được đầy đủ, nam thì có tinh khí, nữ thì có kinh nguyệt, đến tuổi dậy thì, có điều kiện sinh dục.

cầu thì huyết dồn về chỗ *Mệnh môn*, hóa thành tinh mà tiết ra. Nói về tinh thì thần dựa vào nó như cá nhờ vào nước, khí dựa vào nó như sương mù che phủ suốt vực vậy. Nếu không biết hạn chế sắc dục của mình, thì trăm mạch khô khan, giao hợp không điều độ thì ắt hao tổn đến nguyên khí của thận. Có khi tuy tinh khí không tiết ra ngoài nhưng đã lia cung vi rồi, tất có vài giọt chân tinh theo dương vật mềm yếu mà rỉ ra, ví như khói bốc ở lửa ra, khói đã đi rồi, có khi nào lại trở về với củi được nữa đâu!

Phàm khí tinh muốn chảy ra thì đưa khí lên giữa *Né hoán* (giữa 2 lông mi) hoặc thở nhẹ ra 1, 2 hơi, không để cho khí ở tâm đi theo xuống, thì tuy tinh có chảy mất, nhưng không thương tổn lắm. Kiêng giao hợp vào giờ Tý (24^h - 1^h) vì từ lúc đó khí dương mới sinh ra mà diệt luôn nó đi, thì dù chỉ một lần cũng tổn thương bằng trăm lần. Chân nhân Tôn Tư Mạc nói: « Lúc dương tức giận mà giao hợp thì sinh ung nhọt, khi còn một mệt mà nhập phòng thì hư tổn suy yếu mà ít con ». Tiết dục là tốt nhất, thanh tâm càng thiết yếu. Lo nghĩ thì làm cho tâm huyết hao tán, dâm dục tráctáng thì tinh huyết khó sinh. Vì tinh là do huyết sinh ra, cho nên nuôi dưỡng thần khí ở trong thì gốc rễ được vững chắc.

Nhưng thân thể người ta thường cần có chút lao động thì trăm mạch được điều hòa thông suốt, khí huyết được đầy đủ lớn mạnh, tinh thần mới được nảy nở ở trong, kinh lạc được vận động, tà độc ở ngoài khó lẫn vào, ví như nước chảy thì không bẩn, cửa quay thì không mục, là do sự vận động cả.

Thường nên nhón ngậm ngũ tạng, mũi hít khí trong vào, miệng nhả khí đục ra, sao cho khí ra ít mà khí vào nhiều. Khí ngũ tạng nên nằm hướng đầu về phía

bác, không nên để lộ sườn bên đầu giường. Nếu chỗ ở có kẽ hở thì gió lùa gây bệnh rất nặng, cần phải chú ý tránh.

Đầy công vận khí hít thở và thanh tâm tiết dục, thêm 12 đoạn cầm thì khí huyết lưu thông điều hòa và mọi tật bệnh tự khỏi. Nhưng nếu trong lòng không giữ được thanh tĩnh, hoặc thường nghĩ đến tiền tài, nữ sắc, hoặc vì chú ý lo tính tương lai, hối hận chuyện cũ, nghĩ cân mọi việc, làm cho lòng ham muốn, lửa dục nung nấu ở trong, chân âm tiêu hao, thì công phu luyện tập nói trên cũng vụt đi hết. Nên bồi dưỡng nếu khi bị bệnh mà không sống được, thì tiền của, gái đẹp và tất cả những cái gì ngoài thân mình đều buông xuôi hết!

Ấy là phương pháp chữa bệnh và tu dưỡng để sống lâu.

*«Phù sinh hà sự đa thiên tính,
Khốc tham họa tửu thương sinh mệnh.
Nhất triệu ngoại bệnh hồi phệ tề,
Sử tận hoàng kim được bất úy.»*

Tạm dịch :

Biết bao lỗi lệch khách phù sinh,
Đắm rượu tham hoa dễ hại mình.
Bệnh tới liệt giường khôn kịp hối,
Dốc vàng đổi thuốc, thuốc nào linh!

e) THẬP NHỊ ĐOẠN CẦM (phương pháp đạo dẫn)

1. *Gỡ răng* : Răng là phần dư của xương, thường nên gỡ hàm răng vào nhau để cho gân cốt được vận động, cơ thể tinh thần được tỉnh táo. Mỗi khi gỡ 36 lượt. Khi đi tiểu nên mím miệng cắn chặt hàm răng cho đến khi đi

giải xong mới mở miệng. Cách này phòng được các bệnh về răng.

2. *Nuốt nước miếng*: Cuốn lưỡi lên vòm miệng cho nước bọt chảy ra đầy miệng, rồi nuốt ực ực xuống bụng; nuốt nhiều lần càng tốt, để tận dụng trời nhuần ngũ tạng, thì h' a tự sướng.

3. *Rửa mặt*: Xoa 2 tay với nhau cho nóng lên rồi úp sát vào mặt, sát từ chân tóc xuống cổ như khi rửa mặt.

4. *Đánh trống trời*: Lấy 2 bàn tay bịt gấp 2 tai rồi bịt mấy đầu ngón vào sau xương não như gõ trống 24 lần, nghe tiếng to là tốt.

5. *Vận huyết cao hoang*: Huyết ấy ở sau lưng ngang 2 bên bả vai, trên tim, nơi ấy dùng thuốc hay châm cứu đều không tới. Thường nên vận 2 vai 7 lần thì có thể làm tiêu tan các bệnh trong người.

6. *Chống trời*: Hai tay nắm lại, mũi hít vào dẫn khí lên não vận đến *Nê hoàn* (giữa hai lông mày) đồng thời giơ 2 tay lên trời (như cách chống đỡ trời lên), sau đó buông xuống 2 gối. Làm như thế 3, 4 lần trong mỗi buổi tập.

7. *Giương cung trái, phải*: Nín thở, giữ hơi, 2 tay duỗi thẳng ra phía trước, rồi tay phải giương sang bên phải, như cách giương cung, 2 mắt hơi liếc nhìn theo bàn tay phải, rồi đổi sang bên trái, mỗi bên giương cung ba lượt. Cách này để trừ hỏa ở Tam thiên.

8. *Xát Đan điền*: Lấy tay trái giữ bìa dài, tay phải xát *Đan điền* (dưới rốn) 36 lần; rồi đổi sang bên phải cũng làm 36 lần như thế.

9. *Xoa huyết Nội thận*: Cần nín thở giữ hơi, 2 tay sát vào nhau cho nóng, rồi sát vào sau lưng ngang huyết *Mệnh môn* kinh thận (ở giữa gai sau 2 đốt sống thắt lưng 2—3) đều 36 lần.

10. *Xát huyết Dũng tuyến*: Dùng tay trái giữ vững bàn chân trái, tay phải xát vào lòng bàn chân [huyết Dũng tuyến ở chỗ lõm 1/3 về phía trước], xát 36 lần, rồi đổi sang bên phải.

11. *Vận huyết giáp cột sống*: Huyết này ở cuối sống lưng trên lỗ đít (xương cụt) là nơi thấu tới các mạch máu của toàn thân, nên được day xát luôn thì rất có ích.

12. *Vẩy chân*: Chân không vận động thì khí chạy không điều hòa, đi đứng không được vững mạnh, nên đứng vững chân trái, giơ chân phải lên, vẩy ra 7 lần, rồi thay sang chân phải, đứng vững, và vẩy chân trái 7 lần.

MỤC LỤC
HOẠT NHÂN TOÁT YẾU

	<i>Trang</i>
Lời nói đầu	3
Thân thể và sự nghiệp y học của Hoàng Đôn Hòa.	8
CÁC MÔN THUỐC CHỮA BỆNH	
A - Nội khoa	13
Trúng phong	13
Thương hàn - ôn dịch	17
Trúng thấp	18
Sốt rét cơn	20
Thở tả hoặc loạn	23
Tả lý	23
Đại tiểu tiện	25
Đau bụng	25
Tích tụ	27
Ra máu (thất huyết)	28
Lậu, đái đục	28
Thủy thũng	29
Phạm phòng	30
Cổ độc	30
Tiêu khát (đái tháo)	30
Điện cuồng	31
Kinh giản	31
	73

Hen suyễn	32
Ho	32
Yếu hầu (đau họng)	34
Đau đầu	35
Đau mắt	36
Đau răng	38
Bệnh ở tai	38
Đau lưng	39
Bệnh trí	40
<i>B – Ngoại khoa</i>	40
Phong hủi	40
Mụn nhọt	41
Tràng nhạc, bứu cồ	44
Lờ ngứa	45
<i>C – Thường khoa</i>	45
Chó dại cắn	45
Bị tên độc và chông gai đâm	46
Bị thương, bị bỏng	46
<i>D – Phụ khoa</i>	47
Kinh nguyệt	47
Bạch đới	49
Đẻ khó	49
Các bệnh sau khi đẻ	49
Nhọt vú	50
<i>Đ – Khi khoa</i>	50
Kinh phong	50
Bệnh cam	51
Hen suyễn	51
<i>E – Thú y</i>	52
Cách nuôi trâu bò	52
Trị dịch trâu bò voi ngựa	52

Trâu bò bị cảm cắn răng	53
Trâu bò sưng họng sưng lưỡi	54
Trâu bò ho, thờ	54
Trâu bò đau bụng, ỉa chảy, đi lỵ	54
Trâu bò đái ra máu, đái đục	55
Trâu bò trúng phong chum chân	56
Trâu bò nhọc mệt gầy tóp	56
Trâu bò phát cước long móng	56
Trâu bò bị lở, sinh giòi	57
Trâu bò bị thương sa cầu, hồ cần	57
Ngựa bị thời khí ôn dịch	57
Ngựa bị mệt nhọc suyễn thờ	58
Ngựa bị đau họng, ho	58
Ngựa bị mỗi mệt, bại liệt	59
Ngựa bị ỉa chảy	60
Ngựa bị úng nhọt, sung dai	60
Ngựa bị lở	60
Ngựa bị rấn cần	61
Gã bị mụn lở	61
Mèo suy nhược	61

TÌNH MỆNH KHUÊ CHỈ TĂNG BỒ

(Phương pháp dưỡng sinh)

a) Phép thờ khí công	62
b) Thuyết thanh tâm tiết dục	68
c) Phương pháp đạo dẫn (thập nhị đoạn cầm)	70

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

HOẠT NHÂN TOÁT YẾU

(Phương thuốc kinh nghiệm và phép dưỡng sinh)

Biên tập : ĐỖ CHÍ - THẾ VŨ

Sửa bản in : CÚC PHƯƠNG

Trình bày bìa : HOÀNG TRƯỞNG

In 10.100 cuốn, khổ 13×19, tại Nhà máy in sách KHKT Hà Nội.
Số in: 67/80. Số XB 31-YH-80. In xong và nộp lưu chiểu
tháng 11-1980.

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

Tim đọc:

- Chăm cứu thực hành
- Một số bài thuốc Nam
- * Lịch sử y học (Phương tây).

Giá 0,70đ